

Cánh Đồng Bất Tận

Nguyễn Ngọc Tư

Khi người đọc đã bắt đầu thấy quen thuộc với những câu chuyện dân dã hồn hậu, khi cái tên Nguyễn Ngọc Tư đã không còn gây lạ nữa sau những tập truyện "Ngọn đèn ko tắt", "Nước chảy mây trôi"... thì bất ngờ "Cánh đồng bất tận" của cô xuất hiện. Một sự xuất hiện đủ sức gây ngỡ ngàng bằng một câu chuyện man dại và khốc liệt.

Vẫn là chuyện của những dòng sông, những vùng đất dọc ngang kênh rạch nhưng với "Cánh đồng bất tận", Nguyễn Ngọc Tư đã đưa người đọc đến một thế giới hoàn toàn khác. Không còn hình ảnh của vùng quê Nam Bộ trù phú với những người dân phóng khoáng, giàu nghĩa khí mà chúng ta vẫn gặp ở rất nhiều câu chuyện, rất nhiều bộ phim, rất nhiều cuốn sách. "Cánh đồng bất tận" đã mở ra trước mắt người đọc một thế giới khắc nghiệt và tàn khốc. Ở đó có người phụ nữ nghèo đến mức một mảnh vải đẹp là cả một giấc mơ và phải đánh đổi nó bằng thân xác của mình. Ở đó có 2 đứa trẻ suốt đời theo cha rong ruổi qua những cánh đồng, chúng lạc lõng, cô đơn đến mức quên cả cách giao tiếp với con người. Ở đó có người chồng thù hận người vợ bỏ theo trai đến mức phá hỏng cuộc đời của chính những đứa con ruột thịt. Bạn đã từng hình dung về thế giới đó hay chưa ?

"Những cánh đồng trở thành đô thị; những cánh đồng ngoa ngoắt thay đổi vị của nước, từ ngọt sang mặn chát; những cánh đồng vắng bóng người, và lúa rày mọc hoang nhớ đau nhớ đón bàn chân xưa ngên trong bùn quánh giờ đang vát vơ kiếm sống ở thị thành. Những cánh đồng đó, đã hát hủi cây lúa (và gián tiếp từ chối đàn vịt). Đất dưới chân chúng tôi bị thu hẹp dần. Nhưng ngay từ đầu, chúng tôi đã tự làm quản chân mình, vì không thể quay lại những cánh đồng cũ (với người quen cũ). Tôi đã từng trở ngược về những nơi đó theo cách của tôi, bằng mường tượng. Tôi gặp nhiều đứa trẻ tên Hận, tên Thù mang khuôn mặt rập tâm của cha tôi, với đôi mắt sâu và chiếc mũi thẳng. Những đứa trẻ nhàu úa, cọc cằn, cằn cằn, chỉ tiếng chửi thề là tươi rói, nhảy ra xoi xói ở đầu môi".

Xuyên suốt câu chuyện của Nguyễn Ngọc Tư là hình ảnh của những cánh đồng. Với một số người trong chúng ta, có thể cánh đồng nào cũng giống nhau, nhưng với 2 đứa trẻ, 2 nhân vật chính trong truyện, những cánh đồng được phân biệt rất rõ. Cũng dễ hiểu thôi vì cuộc đời của những đứa trẻ đó là một cuộc hành trình từ cánh đồng này sang cánh đồng khác. Những cuộc hành trình kéo dài bất tận và những cánh đồng cũng trải dài bất tận.

Một câu truyện mà từ đầu đến cuối là những đau khổ, những hần học, những sự bội phản và những cuộc trả thù. Ở đó chỉ có đói nghèo và bất hạnh. Con người không nhận được gì khác ngoài sự trả giá. Ở đó, khái niệm ở hiền gặp lành là một cái gì đó quá mơ hồ, quá xa vời. Một câu truyện như vậy sẽ làm người ta thấy mệt mỏi, thấy buồn bã và bi quan. Nhưng, cánh đồng bất tận của Nguyễn Ngọc Tư, lại ko đem đến cho người đọc cảm giác ấy. Bởi vì, có một dòng chảy yêu thương len lỏi khắp câu chuyện, kéo dài theo những cánh đồng. Dòng chảy yêu thương đó lớn dần lên và trở thành chủ đạo khi sau tất cả những bất hạnh mà một con người có thể gánh chịu trong cuộc đời, người ta vẫn ko thôi nghĩ tới những điều tốt đẹp.

"Nó hơi sợ hãi. Cảm giác một cái gì, nhỏ xíu nhưng lạnh lợi như con loan quần đang ngụp lặn trong nó. Đứa con gái thoáng nghĩ, rớt nước mắt, trời ơi, có thể mình sẽ sinh con. Nhưng nó chấp nhận việc ấy, dù phũ phàng (với nó, chấp nhận cũng là một thói quen). Đứa bé đó, nhất định nó sẽ đặt tên là Thương, là Nhớ hay Dịu, Xuyên, Hường... Đứa bé không cha nhưng chắc chắn được đến trường, sẽ tươi tỉnh và vui vẻ sống đến hết đời, vì được mẹ dạy, là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn".

Đoạn kết của câu chuyện mở ra một chân trời mới. Những "Cánh đồng" có thể vẫn kéo dài bất tận, nhưng sự hận thù sẽ ko bất tận, sự bất hạnh sẽ ko bất tận, nỗi khổ đau sẽ không bất tận nếu người ta biết yêu thương, biết hy vọng và biết tin tưởng ở những điều tốt đẹp của cuộc đời này. Bạn sẽ thấy nhiều điều khác nữa nếu bạn để trí tưởng tượng của mình bay cao ở "Cánh đồng bất tận".

CÁNH ĐỒNG BẤT TẬN

Nguyễn Ngọc Tư (phần 1)

1. Con kinh nhỏ nằm vắt qua một cánh đồng rộng. Và khi chúng tôi quyết định dừng lại, mùa hạn hung hãn dường như cũng gom hết nắng đổ xuống nơi này.

Những cây lúa chết non trên đồng, thân đã khô cong như tàn nhang chưa rụng, nắm vào bàn tay là nát vụn. Cha tôi tháo cái khung tre chắn dưới sàn ghe, bầy vịt lúc nhúc chen ra, cuống quýt, nháo nhào quẫy ngụp xuống mặt nước vằng vặc. Một lớp phèn mới, vàng sẫm quánh lại trên bộ lông của những con vịt đói, nhóp nhép bám trên vai Điền khi nó trắm mình bơi đi cặm cọc, giăng lưới rào bầy vịt lại. Tôi bung cái cà ràng lên bờ, nhóm củi.

Rồi ngọn lửa hơi hót thổi dưới nồi cơm đã lên tim, người đàn bà vẫn còn nằm trên ghe. Ngay cả ý định ngồi dậy cũng xao xác tan mau dưới những tiếng rên dài. Mỗi chị sung vều ra, xanh dờn. Và tay, và chân, và dưới cái áo mà tôi đã đắp cho là một cái áo khác đã bị xé tả tơi phơi những mảng thịt người ta cầu nhéo tím ngắt.

Và những chân tóc trên đầu chị cũng đang tụ máu. Người ta đã lòn tay, ngoay chúng để kéo chị lê lét hết một quãng đường xóm, trước khi dừng chân một chút ở nhà máy chà gạo. Họ giăng ném, họ quăng quật chị trên cái nền vương vãi trấu. Vai nữ chính, một người đàn bà xốc xếch đã lạc giọng, đôi lúc lả đi vì ghen tuông và kiệt sức. Nhưng đám đông rạo rực chung quanh đã vực tỉnh thần chị ta dậy, họ dùng chân đá vói vào cái thân xác tả tơi kia bằng vẻ hằn học, hả hê, quên phứt vụ lúa thất bát cháy khô trên đồng, quên nỗi lo đói no giữa mùa giáp hạt. Cuộc vui hẳn sẽ dài, nếu như không có một ý tưởng mới nảy ra trong cơn phấn khích. Họ dùng dao phay chặt mái tóc dày kia, đục đặc, hì hục như phạt một nắm cỏ cứng và khô. Khi đuôi tóc đứt lìa, được tự do, chị vùng dậy, lao nhanh xuống ghe chúng tôi như một tiếng thét, lặn qua chân tôi, đến chỗ cha, làm đổ những bao trấu cha vừa mới xếp.

Đám người ngơ ngác mấy giây để chấp nhận việc con mình bỏ chạy. Tôi mất mấy giây để háo hức thấy mình nghĩa hiệp như Lục Vân Tiên, tôi lồm cồm xô ghe dạt khỏi bờ, sợ hãi và sung sướng, tôi cảm sào chống thực mạng ra giữa sông, mắt không rời đám người đang tràn ra mé bờ chực lao xuống, nhảy nhót điên cuồng. Rồi tiếng chửi rủa chới lói chìm đi, tiếng bầy vịt tao tác kêu dưới sạp chìm đi, trong tôi chỉ có âm thanh của chiếc máy Koler4 nổ khan, rung bần bật dưới tay Điền, khắc ra những đám khói khét lẹt, đen ngòm. Khói trôi về phía sau chúng tôi, mờ nhoè những bóng người đang tuyệt vọng ngó theo, bàn tay nào đó cầm nắm tóc của chị vẩy lên phơ phất phơ phất...

Cha tôi không đóng vai trò gì trong cuộc tháo chạy ấy, ông im lặng, khi đã đi khá xa, cha ra đằng mũi cầm sào. Tôi bò vào trong ghe, lấy áo đắp lên người chị, sao cho che được đôi vú rách bươm và khoảng đùi rướm máu. Chị cười mê mẩn, nói cảm ơn bằng mắt và thiếp đi.

Suốt một quãng đường, chị không hề thay đổi thế nằm, im lìm, lạnh ngắt như người chết. Trong ghe chỉ trôi mênh mang những tiếng rên khi dài, khi ngắn, khi thiu thiu buồn xo, lúc nghe như tiếng nấc nghẹn ngào...

Nhờ vậy mà chúng tôi biết chị còn sống, để đi với chúng tôi gần hết con sông Bim Bịp, đến cánh đồng hoang vắng này. Điền hơi lo lắng khi nghe chị vẫn còn rên rỉ, nghĩ là chị đã đói, nó hỏi tôi nấu cơm mau. Nó thấy tiếc vì trên ghe chỉ còn mấy con khô sặt mặn chát, "tui nuốt còn không vô, nói chi..."

Nhưng chiều hôm đó và cả ngày sau, chị không ăn. Chị từ chối cả uống nước, đợi đôi môi khô đã bắt đầu nứt ra, chị mới chịu hớp một vài ngụm ít ỏi, dường như chỉ đủ ướt môi. Đói và khát, nhưng chị còn sợ đau hơn. Người ta đã đổ keo dán sắt vào cửa mình của chị...

Tôi nói lại với cha và Điền trong bữa cơm. Tôi nghe hai người lặng đi, tiếng dũa tre khua vào miệng chén ngưng bật. Điền ngó tôi và tôi thì đọc được sự ghê sợ, kinh tởm còn lên trong mắt cha. Điền chan nước vào chén, lua vôi vàng rồi men theo con đường đất dọc mé kinh, nó đi vào trong xóm. Tôi dặn với theo, ghé tiệm mua giùm ngàn rưỡi đường cát.

Chắc gió đã bạt mất lời tôi, khi quay về, Điền không mang theo gì, nó lẳng lẳng xòe tay trước mặt tôi, tay nó dính một lớp gì đó, bóng mượt, trong suốt, và đang khô quánh lại, khiến những ngón tay dơ ra như đá. Điền bảo, "Keo dán sắt...". Dường như những người sản xuất ra loại keo này cũng không ngờ nó nhiều công dụng đến thế. Hai chị em tôi tí mẩn lột lớp keo ra, mảng da non trên bàn tay nó bóng đỏ như, thơm máu. Chúng tôi cùng ngó về chỗ khoang ghe, nghe tiếng thở thênh thang cùng gió...

2. Cánh đồng không có tên. Nhưng với tôi và Điền, chẳng có nơi nào là vô danh, chúng tôi nhắc, chúng tôi gọi tên bằng những kỷ niệm mà chúng tôi có trên mỗi cánh đồng. Chỗ chị em tôi trồng cây, chỗ Điền bị rắn cắn, chỗ tôi có kỷ kinh nguyệt đầu tiên... Và mai này khi trôi dạt đến một nơi nào khác, nhắc đến cánh đồng này với cái tên của chị, chắc chúng tôi sẽ xôn xang.

Sáng sớm ngày thứ ba, chị ngồi dậy được, ngó quanh, chị hỏi, "Trời đất ơi, chỗ nào mà vắng tanh vậy nè". Làng xóm xa xa đằng phía những rừng dừa xanh thẫm. Đồng đất trống trơn, trên đôi bờ kinh chợ vơ những cây gòn. Hai đứa nhỏ đầu mướt sương đang hí húi trộn thức ăn cho vịt, nhìn chị ngạc nhiên đến ngây ngất. Giọng nói chị không bị thương tích gì hết, trong vắt và ngọt ngào.

Chị hỏi "Tắm ở đâu, mấy cung?". Tôi chỉ xuống kinh. Chị ngó những vầng phèn, ngao ngán. Điền nói, đằng kia có một cái ao.

Đó là một hồ bom cũ, bình bát mọc quanh, rau muống chằng chịt phủ kín mặt nước, cọng rau ôm nhằng, đỏ au. Chỗ này, hôm qua, Điền đã câu được những con cá thát lát ú mềm. Chị trầm mình dưới đó rất lâu, chẳng kỳ cọ gì, chỉ để nước lạnh chườm dịu lại những chỗ đau. Lúc chị lên bờ, tôi thấy máu lợn cợn theo những giọt nước nhỏ xuống giữa hai đùi, chắc chị đã làm gì với chỗ keo dán ác nghiệt ấy. Rồi cũng lâu lắc, cũng cả nhắc từng bước ngắn như lúc đi, chị với tôi quay lại bờ kinh. Điền hí hửng khi thấy chị chịu mặc chiếc áo sơ-mi thẫm phèn và cái quần cụt quần queo của nó.

Chỉ có cha lăm lè dọn cỏ quanh chòi. Chỉ có cha là hờ hững với thành quả của hai chị em tôi. Không chấp thái độ lạt lẽo của cha, chị ngó về phía người đàn ông đang vòng lưng trong nắng sớm, chênh choáng: "Ba mấy cung đẹp trai dễ sợ..."

Vì lẽ đó? Có phải vì cha mà chị ở lại với chúng tôi, trên một cánh đồng vắng ngắt. Những vết thương đã lành rất mau. Chị cười, bị đánh hoài riết cũng quen. Tôi hỏi chị làm gì để bị đánh. Chị cười, "Làm đi". Rồi có lẽ chị áy náy vì quá sỗ sàng với chúng tôi, chị vỗ đầu Điền "chắc mấy cung không biết đâu..."

Điền nhìn tôi cười. Chúng tôi đã gặp nhiều, rất nhiều người phụ nữ giống chị. Cứ mỗi mùa gặt, họ lại đập diu trên đê, lượn lờ quanh lều của những thợ gặt, những người đàn ông giữ lúa và bọn nuôi vịt chạy đồng. Họ cố làm ra vẻ trẻ trung, tươi tắn nhưng mặt và cổ đã nhão, nhìn kỹ phát ứa nước mắt. Đêm đến, sau các đụn lúa, họ thả tiếng cười chút chít, tiếng thở mơn man... lên trời, làm nhiều người đàn bà đang cầm cúi nấu cơm, cho con bú trong lều thất lòng lại. Tôi nào mua rượu cho cha, chúng tôi cũng đi ngang qua những đôi người. Chúng tôi nhận ra họ ngay, khi không còn mảnh vải nào trên người họ vẫn điềm nhiên cười khúc khích và uốn éo thân mình chứ không tro ra ngượng ngịu, cam chịu như những người phụ nữ quê. Sáng sau, họ xiêu xiêu biến mất, đem theo mớ tiền công ít ỏi suốt một ngày làm việc quần quật của đám đàn ông.

Chị, cũng giống như họ, chớm tàn tạ, đói rã ruột ở thị thành mới chạy xuống quê, cắt cái quán nhỏ, giả đồ buôn bán bánh kẹo lật vật, thực chất là làm nghề. Ở đó đàn ông dễ tính và thiệt thà. Chị sống nhờ những món tiền họ cầm câu đêm đêm, bằng tiền bán lúa, dừa khô hay những buồng chuối chín. Cũng có lúc thu hoạch bất ngờ, khi chị mời chài một người đàn ông vào trò chơi giường chiếu, suốt hai ngày đêm, và chị được một triệu hai. Đó là vốn vay xoá đói giảm nghèo, khi về tới nhà, với tám trăm ngàn còn lại trong túi, hẳn người đàn ông ấy nào nề biết bao nhiêu, oán chị biết bao nhiêu khi thấy vợ con nheo nhóc bu quanh nồi khoai luộc trong nhập nhoạng nắng chiều.

- Ăn trên mồ hôi nước mắt của người ta nên lâu lâu bị đánh cũng đáng đời, hen mấy cung?

Chị nói, và ngã nghiêng cười, dường như chị thấy mình trả giá vậy cũng vừa. "Mà hên ghen, nhờ vậy mà gặp được mấy cung, được ở chung vậy, vui thiệt vui...".

Cha không vui, vì có thêm một miệng ăn. Bầy vịt cũng không vui, chúng mổ vào chân chị mỗi khi chị bước qua rào, "bà ở đây làm chi để phần ăn của tui tui bị xén bớt, trong máng độn toàn là trấu ngán thấy ông thấy cha, đã vậy còn bắt tui tui đẻ trứng để nuôi bà". Chị nhảy xôm ra, la oai oái, sau lại cười (mà con mắt đung đưa phía cha) "mai mốt mấy con vịt quý này sẽ khoái chị, mấy hồi...".

Nhưng tôi và Điền biết thế nào chị cũng ra đi, trong mỗi mòn. Quảng thời gian chị bên chúng tôi, vì thế cũng mong manh. Nhiều khi lừa vịt ăn mót một đôi đồng, nghĩ chị bỏ đi, Điền thẳng thốt chạy về.

- Mấy cung thương chị thiệt hả? Tôi chưa...".

Chị ngạc nhiên, thấy nước mắt ràn rụa trên má thằng Điền (mà chị không biết là nó bị bệnh chảy nước mắt sống từ hồi chín tuổi). Thật cảm động khi đời đánh ta tởm tởm, vậy mà hai đứa nhỏ này lại triu mến, quyến luyến lạ lùng. Thêm một lý do nữa để chị ở lại với chúng tôi, trong một mùa hạn nóng bỏng, bất thường.

Mùa đến sớm. Vì vậy mà nắng rất dài. Mới rồi, chúng tôi dừng chân ở một xóm nhỏ bên bờ sông lớn mênh mang. Mía mai, người ở đây lại không có nước để dùng (như chúng tôi đi trên đất dầy đặc mà không có cục đất chọi chim). Người họ đầy ghê chóc, những đứa trẻ gãi đến bật máu. Họ đi mua nước ngọt bằng xuống chèo, nín thở để nước khỏi sánh ra ngoài vì đường xa, nước mắc. Buổi chiều đi làm mướn về, họ tụt xuống ao tắm tấp thừ nước chua lét vì phèn, rồi xối lại đúng hai gàu. Nước vo cơm dùng để rửa rau, rửa rau xong dành rửa cá. Con nít ba tuổi đã biết quý nước, mắc lắm cũng ráng chạy ra vườn hái vô chậu ớt, chậu hành (báo hại cây rui lá). Ở đó, có người con trai bảo, "ước làm sao trước lúc má tui chết, bà được tắm một bữa đã đời". Câu nói này làm tôi thương anh ta quá chừng. Hôm tôi đi, anh tần ngần đứng bên hè, hỏi nhỏ "Không biết em có muốn ở lại với... má tui?!". Tôi lắc đầu, hai gàu nước ít ỏi của má anh, tôi nhớ nào sẽ nữa?

Tôi giục cha rời khỏi cái xóm tàn tạ đó. Những cánh đồng chúng tôi qua, lúa chết khô khi mới trở bông. Người ta không thể trồng đậu, trồng dưa vì thiếu nước. Bầy con nít giỡn nhoi trên những con kinh khô tro lòng.

Chỗ chúng tôi cắm lều cắm vệt, nước đã sắc lại thẫm một màu vàng u ám. Nhưng chúng tôi chẳng có chỗ nào để đi nữa, từ bờ bên kia của sông Bìm Bịp là vùng đầm cho những cánh rừng tràm lớn. Mùa này, người ta lấy nước từ tất cả các dòng sông nhỏ, các con kinh để bơm vào rừng, chống cháy. Chúng tôi cũng không thể ngược sông Bìm Bịp băng qua vùng Kiên Hà, ở đó họ kiểm dịch thú y rất gắt gao. Và dịch cúm gia cầm nghe đâu vẫn còn bùng phát khắp đồng bằng.

Để bầy vịt khỏi bị chôn sống (điều đó đồng nghĩa với việc đứt vốn cho mùa sau), bọn tôi quyết định vẫn cắm chúng ở đây. Chúng được nuôi trong sự mỗi mòn. Ngày ngày, tôi lùa vịt đi ăn mót những bông lúa khô quắt queo trên đồng, không có nước chúng bì bạch, chậm rì và chẳng thể đi xa. Trứng thừa thốt, những quả trứng chúng đẻ ra cũng chai ngắt, dài nhằng, nhẹ tênh, vỏ dày sần sượng. Đòi hỏi gì nữa ở những con vịt đã già, đã đẻ quần quật suốt ba mùa trước, đã vô vọng vì ngày càng khó tìm lúa và cám trong máng thức ăn. Ngay cả nước để chúng tắm táp cũng chua lét vì phèn.

Mà, mùa mưa vẫn còn xa lắm.

Ngày ngày, Điền rủ chị đi giăng lưới, nhắp cá và tát những cái mương cạn. Cá ăn không hết, chị đem vô xóm bán và hãnh diện đưa cho cha vài mươi ngàn thừa sau khi đã sắm ít quần áo. Mắt chị nhìn cha đầy khiêu khích "Cuộc đeo đuổi vẫn còn dài, cưng à...".

Chị đồ lì. Chị tìm mọi cách để sà vào cha. Một bữa chị bảo Điền xuống ghe ngủ với tôi, còn chị sẽ lên chòi. Đó là một đêm tối nhờ nhờ, trôi trên trời một mảnh trăng mỏng leo lét. Điền ngo nguẩy, xoay trở liên tục, nó kêu khó ngủ, đòi nghe tôi hát, bài gì cũng được. Nhưng Điền vẫn thao thức, dường như giọng hát tôi không át được tiếng sột soạt rạo rức trong cái chòi nhỏ trên bờ. Điền chề ngủ ghe chòng chành quá chừng. Tôi biết lòng nó đang chao.

Điền có những ngày bối rối. Nó hay hỏi tôi, "người ta thương mẹ ra làm sao?". Mặt nó dần ra, khi biết cây kẹp tóc, trái dừa tươi hay con cá thác lác... mà nó dành cho chị cũng giống hệt như người ta vẫn thường cho mẹ. Và niềm nhớ lúc đi xa, nỗi khao khát được nằm gần, được dụi mũi mình vào da thịt người đó... cũng tự nhiên như ý nghĩ bình thường nhất của những đứa con. Nhưng những nghi hoặc vẫn loay hoay trong mắt Điền, và nó quyết định chịu đựng một mình, khám phá một mình. Thí dụ như đêm nay, cái gì khiến tim ta đau nhói, cái gì làm cho ta cảm thấy giận dữ, nặng nề?

Khi tôi thức dậy, Điền đã mệt mỏi thiếp đi, nó nằm co quắp, hai tay kẹp giữa đùi, mặt buồn như phủ một lớp sương giá. Chị bước ra khỏi chòi, khoan khoái vươn vai. Sự ưng ý, mãn nguyện lấp lánh trên khoé mắt. Chị cười, bảo:

- Hồi hôm sương nhiều ghê, nó nhiều lên mặt chị hoài, nhột gần chết.

Rồi chị giành nấu cơm. Chị xoắn tay áo lên hì hụi thổi lửa, đầu tóc xấp xải dính đầy vảy cá. Trông chị như bà vợ tảo tần. Hình ảnh ấy làm tôi ứa nước mắt, nhưng cha tôi chỉ lạt lẻo nhếch cười. Vì cái cười đó mà tôi ứa nước mắt thêm lần nữa.

Cha đưa chị một ít tiền ngay trong bữa cơm, khi nhà đủ mặt, "Tôi trả cho hồi hôm...". Rồi cha điềm nhiên phui đít đùng đình đứng lên, sự khinh miệt và đắc thắng no nê trong mắt. Chị nhét tiền vào trong áo ngực, cười, "Trời ơi, ba mấy cưng sộp quá chừng".

Điền và tôi rủ chị đi câu (Chúng tôi cho là chị buồn, dù chuyện đó khá tức cười, làm điểm được trả tiền mà buồn nổi gì). Suốt buổi, không dính con cá nào, chị nói, "Mắc cười quá, tới mấy con cá quý này còn chê chị". Câu nói nghe tỉnh bơ, băng quơ mà tui vô phương. Điền lặng bắt con cá rô lội xuống mương, lặn sâu, móc cá vô lưới câu của chị. Lúc nó trôi đầu lên thì đã thấy chị cười.

Trưa ấy chúng tôi trầm nghịch dưới nước rất lâu. Chị cười nôn khi thấy bùn bám dưới mũi tôi xám xanh như bộ râu củ ấu. Tự dung nét mặt chị bỗng âu yếm lạ, như đang nựng nịu một đứa bé con và thằng em trai mười bảy tuổi của tôi đứng đực ra, chết lặng trong nỗi ngỡ ngàng. Nước còn cao chỗ bụng nó, tôi biết chị đang táo tợn làm gì đó phía dưới. Rồi phát hiện ra một mắt mát lớn lao, chị thẳng thốt kêu lên:

- Trời đất ơi, sao vậy nè, cưng?

Chị toàn hỏi những câu hỏi khó. Chỉ nghe thôi đã đau, nói chị trả lời. Thí dụ như có lần chị hỏi "Má mấy cưng đâu?", "Nhà mấy cưng ở chỗ nào?", thằng Điền đổ quạu:

- Biết chết liền!

3. Những chiều ghe chúng tôi đi ngang qua những người đàn bà ngồi giặt giũ dưới bến sông, tôi hay hỏi lòng, có phải tôi vừa ngang qua má đó không. Tôi cố giữ trong lòng hình ảnh má nhưng rồi ngày càng tuyệt vọng khi thấy nó nhạt nhòa dần, cứ nghĩ mai này gặp lại mà không nhận ra nhau, lòng nghe buồn thiệt buồn.

Má tôi hay mang xoong chảo ra bờ sông chùi lọ nghe, sẵn đón ghe hana (bông) mua ít rau cải tươi và bán lại những quày chuối chín búi trong vườn. Dần dần, buổi chiều, đám thương hồ hay lại neo ghe chỗ mấy cây mắm trước nhà. Một người bảo không sao xa được người đàn bà có cái cười làm lấp lánh cả khúc sông. Má tôi nguyền dài:

- Dóc...

Người đàn ông cười hề hề, thề "Tôi nói láo cô Hai cho xe đụng chết ngắc" (Ngay lập tức, Điền thì thầm, "thằng chả ở dưới ghe kiếm đâu ra chiếc xe, nói dóc...", và bằng cái vẻ ác cảm lạ lùng, thằng Điền biểu tôi nhìn khuôn mặt và tấm lưng trần chỉ chít những nốt ruồi của ông ta, bảo "Tại hồi đó má ông mới sanh ông ra quên lấy lòng bàn tay, nên ruồi bu tùm lum").

Cho dù người đàn ông ấy có quá nhiều nốt ruồi, cho dù chẳng cao ráo, đầu ít tóc... nhưng với chiếc ghe chở đầy vải vóc, những người đàn bà lam lũ quê tôi vẫn thường trông ngóng ông ta. Tất cả họ đều trở thành trẻ thơ khi bước chân lên ghe, họ tíu tít, háo hức, họ thèm muốn đến bên chôn rồi dùng dằng trở lên bờ với tâm trạng tiếc nuối, ngậm ngùi, thấy mình già khi ngang qua bờ lúa vừa hót bót một lôm, thằng cha bán vải lấy mấy giạ mà như khứa một ít tuổi xuân đi.

Bờ lúa nhà tôi đã cạn từ sau Tết. Điều đó làm má tôi hơi buồn, nhưng người bán vải xằng xái bảo, "Cô Hai cứ coi đi, không mua cũng được - rồi ông ta sừng sốt khi thấy má rạo rực khi ướm thử những khúc vải rực rỡ lên người - Chèn ơi, coi nó bình thường vậy mà khoác lên mình cô Hai lại thấy sang quá trời". Má bỗng nhiên bồn chồn:

- Dóc...

Tôi chưa bao giờ thấy cái màu đỏ lạ lùng ấy. Đỏ hơn bông búp ngoài sân, đỏ hơn máu. Má nói chúng tôi, hỏi: "Gi mà nhìn trần trần vậy hai đứa?". Tôi nói, "Má lạ quá hà, nhìn không ra". Má mừng quỳnh, "Thiệt hả?". Tôi muốn khóc quá chừng, má con xa lạ với nhau mà sao lại mừng?

Một bữa tôi chiêm bao, chẳng đầu chẳng cuối gì, chỉ thấy vía má giẫy dụa trong tấm vải đỏ lạ lùng kia nhưng nó thít chặt, riết lấy, siết dần cho tới khi má thành một con bướm nhỏ, chấp chới bay về phía mặt trời. Giật mình thức dậy mới hay mình ngủ quên trong kẹt bờ lúa, con chó Phèn ngoài hè nôn nóng cào đất rột rết chỗ cái ổ chui (Chắc má tưởng hai chị em tôi đi chơi nên chốt cửa trước cửa sau mất rồi). Mà Điền ngồi êm ngay đó, lì ra, không cục cựa, mình nó mướt mồ hôi, không có vẻ gì là nó đang khóc, nhưng nước mắt chảy ròng ròng. Tôi ôm đầu nó, giấu ánh nhìn của nó vào ngực mình.

Đứa mười tuổi quay lưng lại, đứa chín tuổi úp mặt vô áo chị nó, nhưng cả hai vẫn như thấy rõ ràng, trên chiếc giường tre quen thuộc, má oằn uốn người dưới tấm lưng chom chồm những nốt ruồi. Họ cầu vút. Vật vĩa. Rên xiết.

Đó là hình ảnh ấn tượng cuối cùng của má tôi trên nền một cái nhà nhỏ, đằng trước có bộ bàn chữ U, bộ

vạc tre, rồi đến một cái bồ lúa nhỏ dựng gần giường ngủ, và gian bếp thấp. Quanh hè, dài theo những lối đi ra vườn, ra bến là những cục đá tảng, những thân dừa chẻ hai, cha tôi đã hì hục lót để suốt một mùa mưa, chân má tôi không bị dính sinh bùn.

Suốt nhiều năm sau đó, tôi không dám nhớ má, bởi ngay vừa khi nghĩ đến má, ngay lập tức hình ảnh ấy hiện ra. Theo đó là rục rờ trên da thịt màu vải má tôi vừa đổi được (không phải bằng tiền, hay lúa). Má, đáng lẽ phải nhớ tới khúc má nằm vòng hát đưa mình ngủ ấy, hay đoạn má ngồi giặt áo bên hè, hay má cúi đầu giữa vầng khói mờ màng, thổi lửa bếp ung...

Má có rất nhiều hình ảnh đẹp, và cả khuôn mặt lo lắng của má khi chiều ấy vẫn còn đẹp, nhìn thấy nước mắt không ngừng tuôn rơi trên mặt thẳng Điền, má thẳng thốt hỏi : "Mèn ơi, mắt con sao vậy?". Tôi trả lời, day day chậm rãi, "Chắc tại nó nhìn thấy chuyện bấy đó, má. Trưa nay nó ngủ kệt bồ lúa". Má chết lặng nhìn tôi, cái nhìn như lịm đi trên khuôn mặt đẹp nảo nê. Không thể giải thích vì sao tôi lại hể hả.

Và tôi luôn nghĩ rằng chính vì câu nói đó mà má tôi ra đi.

Tôi chạy qua nhà hàng xóm, nói với thím Tư rằng má đi mất tiêu rồi. Cả xóm tung bừng, kẻ mừng vì vợ mình chưa bỏ theo trai, người vui vì con đàn bà đẹp nhất xóm đã đi rồi, khỏi lo ông chồng suốt ngày thòm thềm dòm ngó, cũng có người buồn, ghe vải chắc chẳng quay lại xóm này. Mọi người bàn ra tán vào, xôn xao, bắt tôi nhớ lại coi trước lúc đi má tôi có hành động gì đặc biệt mang tính dự báo không? Chuyện này quan trọng lắm, nó cho người ta tự kiểm tra trình độ trải nghiệm, suy đoán. Thí dụ như nhà nào có người mới mất họ kêu lên, hèn chi đêm trước có nghe chim cú kêu, thê thiết lắm. Thí dụ như nhà nào bị mất trộm, họ bảo nhau, hồi hôm tui nghe tiếng chó sủa thiệt kỳ, là tui nghi rồi... Nhưng chuyện ra đi của má tôi không mấy ly kỳ...

- Hồi chiều má con không nấu cơm...

- Vậy sao?

- Má con nằm trên giường thờ dài...

- Vậy hả ? Thờ ra làm sao?

Tôi hết biết tả. Tiếng thờ thườn thượt, nghe buồn mênh mông, chảy từng giọt như nước mắt. Má tôi thờ dài khi ghe cha ghé bến vì biết mai một cha lại đi. Má tôi thờ dài khi tắm, khi nước trôi dài trên làn da trắng như bông bưởi. Lúc ngồi vá những bộ quần áo cũ. Mỗi lần ghe vải ghé trước bến, má cũng thờ dài, tay bối rối nắn vào hai túi áo mỏng kẹp lép. Thờ dài cả khi thẳng Điền bảo cho con xin tiền mua kẹo, má ơi.

Mọi người không thất vọng, họ cho thời gian lùi lại xa xa, thì ra cũng đã có điềm báo trước mỗi nhân duyên này tan rã, ngay cái bữa đầu tiên, ngay lần gặp đầu tiên. Má tôi ngồi khóc bên bờ con sông Dài, cha tôi chèo ghe đi ngang, đã qua khỏi một quãng nhưng vì mũi lòng, cha quay mũi lại. Cha hỏi, cô về đâu tôi cho quá giang. Má tôi ngược lên, mặt ràn rụa nước, "tôi cũng không biết về đâu". Cha tôi chở người con gái tội nghiệp này về nhà, và trong thời gian suy nghĩ tính coi mình đi đâu, má yêu cha mất rồi, sau đây thì để hai chị em tôi. Rõ ràng, quá rõ ràng, thấy chưa, má tôi chỉ quá giang một khúc đời rồi đi, ai cũng linh tính vậy, chỉ cha tôi là không, nên bây giờ mới khóc hận, cười đau.

Tới đây thì hết chuyện nói, hàng xóm ra về. Giống hệt như vừa tan đêm hát, họ xì xào đi vào trong đêm, tiếng chó sủa rộ lên dài theo những con đường xóm. Tôi và Điền nằm nhìn trần tráo lên nóc mùng, nghe gió hui hút trên những ngọn tre già bên hè. Một hồi, thím Tư qua, thím kêu hai chị em tôi qua nhà thím ngủ.

Sáng sau, thím đi chợ, tới bến tàu, cho hay "Vợ Út Vũ bỏ nhà. Theo trai". Ông chủ chiếc đò chạy tuyến Hưng Khánh nói lại với mấy bà bạn hàng, và chiều lại cha tôi mới nhận được lời nhắn ấy khi đang lên

đòn dong cho một ngôi nhà gần chợ Hội. Nghe nói cha tôi còn cười, giọng ra vẻ giận, "Bộ hết chuyện giòn rồi sao, cha nội?". Có vẻ khó tin, khi một người nghĩ rằng, chỉ cần mình hết lòng yêu thương, gánh hết sự kiếm sống nhọc nhằn thì sẽ được đền đáp xứng đáng. Có vẻ buồn cười... Và cha tuột xuống đất, run rẩy...

Quãng hành trình về nhà có vẻ rất dài và khắc nghiệt, nó vắt kiệt cha tôi. Cha cười cay đắng, khi thấy quần áo má còn treo trong nhà, còn cả cái khăn tắm và đôi dép Lào cũ, như thể má đang chơi bên xóm, chỉ cần thằng Điền kêu má sẽ xấp xải chạy về, mừng hóm hởi "Đi chuyến này nữa là đủ tiền mua ti vi màu, phải hôn anh?".

Coi kỹ thì má không đem theo gì. Chỉ tiết đó làm đau lòng người ở lại, nó cho thấy người đi đã chẳng suy nghĩ, đắn đo, đã không một chút trù trừ, chỉ rữ mình cái rột, sạch trơn, vậy thôi.

Cha đem tất cả đồ đạc của má đem đốt. Khói bay mù mịt trong nhà, mùi vải, mùi nhựa cháy khét lẹt, những cái áo hồng áo tím rúm ró lại, chảy thành những giọt tro. Cha nhìn ngọn lửa, mặt đanh lại, rồi mắt bỗng rục lên, ngây ngất vì một ý nghĩ mới lạ.

Chúng tôi dong ghe đi, quần lòng ngoái lại căn nhà đang quay quắt dấy dựa trong lửa đỏ. Nghe vẳng theo âm thanh lộp bộp rất giòn của những thanh gỗ cháy, và tiếng xóm giềng í ới gọi nhau. Chắc chắn sẽ có người vỗ đùi cái đét, "Hồi hôm qua, ngó cái mặt u ám của Ut Vũ, tui nghi thể nào thằng chả cũng đốt nhà. Nghi đâu có đó, thiệt là y như đề vậy, các cha".

Kể nhiều chuyện như vậy là để trả lời chị, nhà tôi, má tôi, rốt cuộc đã trở thành tro bụi mất rồi. Nên khi hết mùa lúa chín, những người nuôi vịt chạy đồng khác đã trở về nhà còn chúng tôi lại tiếp tục lang thang.

Đàn vịt đưa chúng tôi đi hết cánh đồng này đến cánh đồng khác. Đôi khi không hẳn vì cuộc sống, chúng là cái cớ để chúng tôi sống đời du mục, tới những chỗ vắng người. Ở đó, ít ai phát hiện ra sự khác thường của gia đình tôi, và ít hỏi cái câu, "Má mấy đứa nhỏ đâu?". Để cha phải buột lòng nói "chết rồi !" và cười lạt khi nghe người nào đó kêu lên: "Mèn ơi, tội hai đứa nhỏ hôn".

4. Lần đầu tiên hai chị em tôi lạc giữa đồng. Con mưa buổi xế chiều làm tắt rụi ánh mặt trời, và đêm tối nhanh chóng ập xuống. Mưa giăng bốn bề, những rặng vườn trở nên xa vời, mờ mịt, căn lều và chiếc ghe của mình nằm ở phía nào vậy ta, Điền hoang mang hỏi. Chúng tôi lội xom xom xuống một mé vườn và rã rời tuyệt vọng xua bầy vịt quay ra. Cha tôi đã bỏ về ghe từ giữa trưa, có thể cha đã uống rượu say và ngủ mất tiêu. Có thể cha còn thức nhưng cha không đi tìm. Khóc đã đời, một hồi, thấy trời ngày càng tối, chúng tôi quyết định buông trôi, tha thểu đi theo bầy vịt, biết đâu...

May sao, chúng nhớ đường về. Khi nhìn thấy ánh đèn chong leo lét đầu ghe, chúng tôi mừng như chết đi sống lại, Điền nắm tay tôi chạy như điên, nước đồng văng sáng trắng. Bầy vịt tao tác một phen (báo hại đêm đó tụi nó nín đẻ). Cha tôi ngồi chờ bên cạnh cây roi.

Sau này, đã tự học cách định hướng bằng bằng mặt trời, bằng sao đêm, bằng gió, bằng ngọn cây... nghĩ tới lần lạc đồng, thấy cười quá chừng. Mặc cười hơn là Điền, vốn rất sành sỏi đường đi nước bước, lại bị lạc lần nữa, giữa ban ngày. Nó loay hoay ở giữa một gò đất chum gọng leo dày mịt, không biết vô đó bằng đường nào nhưng chẳng thể quay ra, có người đàn bà bụng rỗ bánh quy lại, biểu nó ăn. Đói quá, thằng Điền ngón gân chực cái. Lúc tôi tìm được nó nhờ tiếng rên ư ừ, bụng nó đã lạc lè, và miệng đầy sinh đất. Quay đi quay lại không có bóng người, chỉ có cái mả lạng nằm sát đất, rời rời cỏ xanh.

Những ngày sau này, tôi một mình trở lại gò đất, nhưng chờ hoài không thấy ma hiện ra. Nghe thằng Điền kể, người đàn bà đó thiệt hiền, chỉ đau đầu vuốt tóc nó và ánh nhìn chan chứa thương yêu. Tôi nghe mà khóc muốn chết, sao con ma đó không chịu giấu tôi giùm cái.

Rồi tôi ngồi quẹt tay lau nước mắt đi, kỹ càng, để gương mặt an nhiên, ráo hoảnh. Tôi quyết không để cha thấy mình buồn, quyết không để cha bật ra cái câu "Chịu hết nổi cái cảnh sống này rồi hả? Chừng nào đi?".

Cha vẫn thường đánh chị em tôi, thường đánh khi vừa ngủ dậy. Đó là khi người ta thấy hoang hoải, chán chường, sau một giấc dài, mở mắt ra, vẫn gió đầu hiu, vẫn nắng võ vàng trên những cánh đồng hoang lạnh. Và tôi tự nhớ lại coi hồi sáng này, hồi trưa này mình đã làm gì giống má, kho cá bỏ quá nhiều tiêu? Hay vì tôi buộc tóc nhong nhong? Hay tại tôi ngồi bắt chí cho thằng Điền?

Hay tại tôi càng lớn càng giống má. Có bữa, nửa đêm thằng Điền thức giấc, nhìn thấy tôi day lưng lại lui cui vá áo, nó thẳng thốt kêu "Má ơi!". Tôi cảm thấy mình thất vọng đến rã rời. Những thói quen, những cái gì liên quan đến má tôi phải gần sạch rồi, nhưng tôi làm sao có thể từ bỏ hình hài này.

Tôi đành để cha đánh để ông bớt đau chút lòng. Sau này chị em tôi không day dứt chi cho mệt, vì hiểu thấu ra, mình bị đòn chỉ vì là con của má, vậy thôi.

Với chúng tôi, quãng thời gian ấy vẫn còn vui lắm, sau này, cha tôi chán không đánh nữa. Cha ơ thờ, lạt lẽo, chuyện gì cần nói thì nói vài câu nhất gừng. Cha giao bầy vịt cho hai đứa tôi, lúc rảnh ngồi gọt đèo những cán dao, tằm thốt hay lẳng lẳng vác cần câu đi câu cá, vừa bán được tiền, vừa khỏi phải nhìn những đứa con của một bà mẹ bạc lòng. Thành ra, cái ghe thấy nhỏ, lại rộng vô cùng tận, loay hoay chỉ ba con người, nhưng nhiều năm trôi qua, hai chị em tôi vẫn cảm thấy xa cách cha. Có lần, khi đi trên sông, thằng Điền giả đồ té chìm ngấm mắt tằm, tôi giả đồ kêu la chói lói, cha hơi giật mình hoảng hốt, dợm lao xuống nước, nhưng rồi cha điềm nhiên ngồi lại, tiếp tục gọt đèo, chắc là nhớ ra thằng Điền đã lặn lội nước sông từ năm bốn tuổi, sức mảy mà chết trôi.

Chúng tôi biết là khó đòi hỏi gì hơn nữa, chỉ một chút xao lòng của cha, là mừng lắm rồi. Cha giống như đồ vật bằng gốm vừa qua cơn lửa lớn, vẫn hình dáng ấy nhưng đã rạn nứt, nên chúng tôi chỉ dám đứng xa mà nhìn, mủ mủ nâng niu, nếu không thì vỡ mất.

Và chiếc ghe, cánh đồng, dòng sông thênh thang mãi...

Tôi và Điền buộc phải tự học lấy cách sống. Nhiều khi dễ đến không ngờ... Nhờ Điền bị rắn hổ đất cắn mà chúng tôi biết được cách phân biệt vết răng của rắn độc. Nó để lại trên cổ chân Điền một cặp vết răng như hai cái lỗ nhỏ, sâu hoắm. Tất nhiên, phải nhờ người thợ gặt tốt bụng vác thằng Điền chạy một đôi đồng để tới ông thầy lấy nọc rắn, nó mới giữ được cái mạng để rút... kinh nghiệm. Sau này, một lần băng qua một đám cỏ dày, đến lượt tôi bị rắn cắn, tôi kêu, Điền ơi, chắc Hai chết trước à. Thằng Điền nhìn vết thương nó cười, nói không sao, số Hai sống lâu lắm, hai hàng răng tươm máu giống hệt nhau như vậy, chắc cú là rắn bông súng cắn chơi thôi. Và nhìn bướm bay, nhìn mây trôi tôi biết ngày nắng hay mưa. Nghe bìm bịp kêu chúng tôi biết nước lên. Dừng ghe ở một tuyến kinh nào, thằng Điền trèo lên ngọn cây cao, ngó bao quát cánh đồng và tính toán xem có thể cầm vịt ở đấy bao lâu thì hết thức ăn, đứng chóc. Hay chúng tôi tự phán đoán ở đâu vụ mùa đến sớm, vùng nào lại trễ tràng để rời cánh đồng này, chúng tôi đến ngay một cánh đồng khác, ngay khi lúa vừa chín tới.

Thành ra, mùa du mục của chúng tôi kéo dài liên tục từ mùa mưa sang nắng, rồi lại mưa. Nhiều lúc tôi hơi nhớ con - người. Họ ở trong cái xóm nhỏ kia, chỉ cách chỗ chúng tôi dựng trại vài ba công đất. Họ lúc nhúc trên thị trấn kia, nơi chúng tôi vẫn thường ghé lại mua gạo, cám, mắm muối... dự trữ cho những chuyến chạy đồng xa. Và họ ở gần ngay đây, họ vừa gặt lúa vừa nói chuyện tục tĩu rồi cười vang bên bầy vịt đang rúc rích tìm thức ăn, nhưng tôi vẫn nhớ...

Có lẽ vì cuộc sống của họ ngày càng xa lạ, với chúng tôi. Họ có nhà để về, chúng tôi thì không. Họ sống giữa chòm xóm đông đúc, chúng tôi thì không. Họ ngủ với những giấc mơ đẹp, chúng tôi thì không. Nằm chèo queo, co rúm, chen chúc nhau trên sạp ghe, chúng tôi đánh mất thói quen chiêm bao. Điều này làm tôi và Điền buồn biết bao nhiêu, vì cách duy nhất để được nhìn lại hình bóng má cũng tan rồi. Mà, thí dụ như những cơn chiêm bao quay trở lại, chúng tôi không biết chắc là hình ảnh ấy của má có xuất hiện hay không.

5. Mùa khô năm tôi mười ba tuổi, bầy vịt lặn ra chết gió. Để kiếm sống, cha tôi quay lại với nghề thợ mộc. Cha nhận đóng giường, tủ cho một vài nhà trong xóm Bàu Sen, chúng tôi neo ghềnh lại đó dài ngày.

Cái cảm giác đang ở xóm cũ (có ngôi nhà cũ) vây riết lấy chúng tôi (chữ "chúng tôi" tôi không kể cha vào). Những trưa xế ngồi ngoài hàng ba một nhà trong xóm, tôi tước lá dừa thắt cào cào châu chấu, Điền ngó nắng rung rung ngoài sân, nói "sao gió ở đây giống hết gió nhà mình". Hai đứa tôi muốn khóc.

Chị chủ nhà ngần ngại nói với cha, "Ngó mặt hai đứa con anh thấy thương quá, thấy... không bình thường". Cha tôi cười nhẹ, "Vậ hả ? Ở ờ...".

Đứa con gái chị chủ nhà trạc tuổi thằng Điền, rủ chúng tôi vào nhà chơi. Nhưng nó luôn nhận được những cái lắc đầu. Chúng tôi sợ quá cái bồ lúa trong nhà, hình ảnh nó làm cả hai chị em ngạt thở. Thật lạ làm sao, khi mà chúng tôi đã quen dần với những - hình - ảnh - giống - mình (tức là bị bỏ giữa đời chơi vơi), thí dụ như nhìn một chiếc đĩa gãy, cái nắp nồi vỡ, hay bầy gà con lạc mẹ nhao nhác... Nhưng không quên được, cái bồ lúa ngai ngái mùi cứt trâu, giữa nó và vách nhà là một khoảng hơi tối nhưng rất thu hút trẻ con. Chúng hay giả bộ đó là nhà của riêng chúng, để bày biện, nấu nướng, đóng vai chồng vợ, vai má con. Để lúc bị đòn, chúng cũng chui tọt vào đó, khóc một mình, nhiều khi ngủ quên luôn (và người lớn thì hời hợt, sao không thấy đứa nhỏ đâu, nó bỏ đi về ngoại, nội? hay đã vô ý trượt chân té xuống đĩa?). Cái kẹt bồ lúa, cũng đã từng là thiên đường mơ mộng của hai chị em tôi, bẻ trái trứng cá làm cơm, muổng dừa là chén, giả đồ "ăn" no, giả đồ tối rồi, đi ngủ, một bữa kia chơi chán lặn ra ngủ thiếp, thức dậy bỗng thấy cuộc đời mình thay đổi quá trời đất, như đã sống qua một kiếp rồi. Nhưng chín mười tuổi đã đủ để gọi là một kiếp người chưa?

Chúng tôi chẳng phải những đứa trẻ bình thường, cuối cùng nhỏ con chị chủ nhà cũng nhận ra, nó bỏ mặc. Nó là một đứa trẻ xinh đẹp nhưng hỗn hào, cáu kỉnh, nó chẳng khi nào kêu má ơi má à, khi cần, nó chỉ cộc lốc bảo, tui đói bụng quá bà ơi. Người mẹ phân bua với cha tôi, "Tại ba nó mê theo vợ bé nên không ai dạy...".

Chị cũng bận rộn, te tái cấp nón đi suốt, tìm ông thầy này, bà cốt kia, để thỉnh bùa chú cho ông chồng quay lại. Và mỗi khi thất bại, chị lại quả quyết là bùa của tình địch mạnh hơn. Nói như vậy dường như để cho tâm bớt đau trước sự thay lòng. Chị có cả một kho tàng về chuyện đồng cốt, những người có khả năng thấu đáo cõi âm, cõi trời và cõi người. Họ biết chữa bệnh (có thể lấy từ bụng ta ra một nùi tóc với cái lưỡi dao cạo, hay dùng hột gà luộc lăn trên da thịt ta, sau đó bẻ cái trứng ra cho ta coi một nhúm lông... chó mực), cũng biết dùng những tấm bùa được vẽ bằng máu... lưỡi để ếm chết người và cuối cùng, họ đem được người ta yêu trở lại. Chỗ này khá mắc cười, bởi tấm bùa có linh nghiệm thiệt thì người quay về cũng không phải của - mình. Những sẵn sóc nâng niu, những lời nói ngọt ngào... tất cả đều không thật (mình biết tổng tông tong là nhờ bùa ngãi chó thương yêu gì). Và cái cười dịu dàng kia, ánh mắt âm áp kia, nụ hôn ngọt ngào kia, vòng tay nồng nàn kia... cũng vậy. Đó là chưa kể phải thoi thóp lo âu một ngày bùa thiêng hết tác dụng, thằng đàn ông rùng mình một cái, ngơ ngác hỏi ủa, sao hai đứa mình nằm chung giường vậy, xin lỗi nghen, chắc tại hồi hôm tui xin quá nên chui ầu vô mừng bà. Rồi ông ta nhìn về mặt đau đớn của mình, kinh hoàng: "Trời đất ơi, bộ tui đã làm gì bầy bà sao?". Tất cả sẽ chấm dứt ở đó, ông nọ phải sạch những ngày tháng mặn nồng. Với ký ức trống trơn, họ phơi phới ra đi, còn mình thì nhớ hoài, đau hoài...

Nhưng chẳng tin vào bùa thì còn biết làm gì nữa, chị cũng đã lặn lội tới nhà tình địch, đã xé quần áo của cô ta, xồn tóc, lôi xềnh ra biêu riêu giữa chợ rồi, chị kể. Bằng cái giọng rộn rã, giòn tan chỗ cao trào, rồi chị hết sức chậm rãi, tỉ mỉ, tả cái đoạn chị dùng dao rạch mặt cô ta và xát muối ớt vào (những người quê mình vẫn thường làm chuyện đó rất bình thường, sẽ buồn cười khi có ai đó nói làm vậy là vi phạm điều X chương Y luật hình sự, họ cãi ngay, "Ủa, nó cướp chồng tui thì tui phải đánh cho tởn chó", với vẻ mặt tự hào ngút ngất, tỉnh bơ, ngây thơ, tựa như một người đi qua trận địa cũ và nói với ông bạn mình, hồi năm bảy hai tui bắn thằng lính cộng hòa ở chỗ này, óc nó nát như chao, con mắt văng ra xa cả thước. Ông bạn chẳng ón, nói tôi cũng cắt cổ thằng Mỹ ở đây chớ đâu).

Sau đận đó, chồng chị bỏ ngay cô nhân tình này và trở trâu, anh ta chạy theo... cô khác. Ba mùa lúa rồi

chị ra đồng một mình. Một mình nuôi con. Một mình nhìn gương, tự ve vuốt và yêu lấy mình...

Cái sàn lán sau nhà đã ba năm vắng bóng đàn ông. Một chiều chúng tôi đến, xẻ mấy cây đồ xong, cha ra đó tắm. Nước chảy re re rất trên khuôn mặt lạnh lùng, nước mỏng tang tràn qua những thớ thịt đỏ au của cha tôi. Chị chợt giật thót người, cái vôi chiếc nút áo bung ra vì không chịu nổi đôi vú căng tức.

Ngay lập tức, tôi có cảm giác câu chuyện về những lá bùa vẽ nhì nhằng chị giấu trong áo gối, ém dưới chiếu, hay kẹt giường... không còn ý nghĩa gì hết. Chị cũng sững sốt khi nhận ra điều đó. Giường đã làm xong, đáng lẽ chúng tôi phải dời đi, nhưng chị chủ nhà muốn đóng thêm hai cái tủ nữa. Chị thuê hàng xóm xuống ao mò lên những thân gỗ đã ngâm lâu và chờ tới xường cưa. Rõ ràng là chị không chuẩn bị trước, rõ ràng chị muốn giữ cả nhà chúng tôi lại.

Chúng tôi được đối xử rất tử tế, ngoài hai bữa cơm, buổi trưa, chị hay đãi thêm nồi chè, hay khoai luộc. Chị nồng nhiệt bảo chúng tôi lên nhà ngủ, nhà rộng rinh như vậy không có gì phải ngủ ghe. Cha tôi trừ trừ nhưng rốt cuộc cũng gật đầu (với một thoáng giễu cợt), thật không nỡ chối từ một tấm lòng như thế.

Tôi và Điền ở lại ghe, tôi nói, ngủ ở đây gió mát quen rồi, với lại, tui tui phải giữ đồ. Nói tới chỗ này tôi mắc cười muốn chết, chiếc ghe tôi tả, đáng giá gì đâu mà giữ. Có mấy ông thông kê gì đó làm chứng, mấy ông đã ngao ngán như thế nào khi thấy chỗ ở ngang mét hai dài ba mét một cho ba nhân khẩu, điều tra thêm thì phương tiện nghe nhìn giải trí chỉ cái radio trị giá mười bốn ngàn, nguồn nước sinh hoạt từ sông, thu nhập ở thì vài ba triệu một năm, tùy vào ông trời, như năm nay, thì trắng tay...

Và ngó lại cái khạp da bò nứt, trong rổ úp vài cái chén sành, một thùng giấy chứa quần áo cũ... thấy mình lấy cớ giữ đồ hơi vô căn cứ. Nhưng chị chủ nhà không để ý, chị đang ung bụng, ngây ngất tràn trề trong mắt. Và cha tôi lên đó, một mình.

Tôi ôm quắp thằng Điền nghe những con sóng nhỏ lách tách vỗ vào mũi ghe, nói, Hai nhớ trường học quá à, cung (Ồi cái trường xiêu dựng trên khu vườn chùa đây cây thuốc, có ông thầy trẻ tuổi hay vò đầu tôi và xao xuyên hỏi, má khỏe hôn con?). Thằng Điền hỏi lại, "Mắc gì mà nhớ ? Lãng ồm...". Tôi không biết, tôi đã ngưng nhớ nó từ khi sống cuộc sống trên đồng, nhưng đêm nay, sao tôi lại nghĩ tới, cả chuyện kiếm tiền để chữa mắt cho Điền (tôi vẫn nghĩ, sự xuất hiện của nước mắt chỉ có ý nghĩa khi người ta khóc). Đêm nay, tôi sao thế này? Vì nhìn thấy niềm hy vọng ư?

Và tôi ngủ trong nỗi xốn xang.

Lúc thức dậy thì hy vọng cũng thức theo, sáng hôm đó, tôi thấy cha trút bỏ vẻ lầm lũi thường ngày, mắt ông hay rục lên, nói cười rất lạ, dường như cha bừng tỉnh nhận ra giá trị của mình, tìm thấy con đường sẽ đi. Những suy nghĩ cằn cỗi làm cho vẻ mặt cha lung linh như bầu trời nhiều mây và gió. Thoắt quang đãng thoát âm u, thoát khoái trá, thoát đau đớn...

Chị chủ nhà cũng thất thường, đang tươi hơn hớn bỗng bần thần khi thấy cha đóng xong một cái tủ nữa rồi. Chiếc tủ chén này, cha mất năm ngày mới hoàn thành, nhưng không sớm hơn được, vì chị chủ nhà lúc thì bung nước ra, lúc lại kêu nghỉ tay ăn bánh, anh thợ à. Nhiều lúc chơi ngoài hàng ba, nghe tiếng bảo trượt trên ván ọt ẹt ngừng lại, buổi trưa im phắc. Và đồng dầm bào bị dầm tạo ra âm thanh lạo xạo lao xạo lao xạo. Chúng tôi biết chị đang ở ngay chỗ cha.

Không hiểu sao tôi lại nghĩ chị chủ nhà chính là hy vọng để chị em tôi trở về cuộc sống bình thường với một người - cha - bình - thường. Chúng tôi luôn tạo cơ hội, khoảng trống cho chị gần gũi với cha. Cực nhất là phải rủ rê lôi kéo nhỏ con chị chơi với chúng tôi, thằng Điền khó chịu, "đồ con nít...". Tôi cười, "thôi, kệ nó..." mà lòng nghĩ, biết đâu mai một con nhỏ này với mình là một gia đình. Biết đâu đó là một mối tình dài.

Nên tôi thấy hơi lo khi cha sắp hoàn thành chiếc tủ áo cuối cùng. Buổi chiều, cha xin những mảnh cây ván vụn đắp vá lại mũi ghe. Nghĩa là chúng tôi sẽ tiếp tục đi. Chị chủ nhà ừ ừ, suốt buổi chị giảm lửa vào

chén cơm nguội ngắt. Cha nhìn chị, cười nhẹ, rồi hỏi khẽ khàng:

- Cô đi với cha con tôi nghen?

Như chờ đợi chỉ có thể, chị gật đầu, mặt tỏ mở và rạng rỡ, gần như không suy nghĩ gì (Má tôi cũng đã từng chọn lựa nhanh như thế sao?). Tôi bất giác ứa nước mắt, rồi nhận thấy cha đang nhìn mình, tôi bệu bệu cười, "cẩn trùng cái lưỡi đau quá trời".

Chị chủ nhà bắt đầu sống với những giây phút bồn chồn, chị loay hoay, te tái tới lui. Chị kiểm lủ khủ giỏ xách, những muốn gói ghém thật nhiều đồ đạc nhưng nhận ra chiếc ghe chẳng chứa nổi, nên quăng phép một bên. Cuối cùng, chị đưa nhỏ con về chơi bên ngoại, và trong lòng chị em tôi bùi ngùi tiễn nó đi như đưa tiễn một cuộc đời. Mai nó vẫn sống, nhưng mà sống khác. Rồi chị quay lại, ra bực sông, ngồi đắm đuối nhìn ngôi nhà của chúng tôi, "những ngày sắp tới của mình ra làm sao, ta?".

Dễ hình dung lắm. Như chỗ cái sạp xin màu tôi đang giặt vải lau đây sẽ là nơi chị sẽ ngủ, sáng ra chị vẫn không phải rời chỗ ấy, vì chỉ cần ngồi dậy, day mặt ra phía sau là đụng bếp, là có thể nhen lên một lọn khói buồn tẻ. Mấy đêm đầu có lẽ không quen, vì phải nằm chèo queo, ghe thì chao sóng. Mấy đêm đầu chắc chị hơi ngại ngủ, mắc cỡ vì ở ghe không có vách ngăn, vì thế chị em tôi sẽ cố ngủ thật say, ngáy thật to để át những tiếng thở hổn hển, diu dặt. Chị cũng sẽ mất khá lâu để thích hợp với nhiều hình ảnh mang tính ước lệ, thí dụ như mấy bụi hành ngò trồng trên cái xô bể (thay vì khu vườn cây cỏ hoa trái mênh mông), hay cái lò cà ràng nhỏ (thay vì cả một gian bếp ấm sức mùi củi lửa)... Và nghe cha tôi than, tôi chán cái nhà này quá rồi, thì cũng nên hiểu là không có cái nhà nào cả. Nhà chúng tôi là cái này, là cánh đồng nào đó, con sông nào đó... Riêng chúng tôi thì không cần chị phải yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ gì hết. Chúng tôi không hy vọng điều đó (đến con chị còn không hy vọng gì mà). Ngay lúc này đây, cứ nghĩ, một bữa trưa mai trưa một nào đó, có nắng hiu hiu và gió hiu hiu, vì muốn chúng mình tấm lòng của mình với cha, muốn tỏ thái độ hoà hợp với hai đứa trẻ lạ lẫm này, chị bắt thằng Điền lại, xối nước kỳ cọ những mảng đất đã dính khấn trên làn da mốc meo của nó, miệng cấm cản, cần nhả hay biểu tôi ngồi để chị thắt bím tóc cho, chắc tôi thấy khó chịu vì xa lạ và buồn cười.

Nhưng tiếc rằng không có ngày mai, một đó. Chị bị cha tôi bỏ lại, khi vừa đi được một đoạn đường. Một đoạn đường đầy khó khăn. Chị buộc mình tin rằng sự chọn lựa này là đúng, tình yêu này xứng đáng được đánh đổi. Xóm làng, ngôi nhà, vườn tược trôi tuột lại phía sau. Và đứa con gái... Rất cố gắng, chị mới thôi thảng thốt. Cha ghé một chợ nhỏ đầu xóm kinh, biểu chị lên mua một ít củ cải muối đem theo. Người vừa khuất trong tiệm tạp hóa, cha cười. Chị em chúng tôi mãi mãi không quên cái cười đó, nó vừa dữ dội, đau đớn, hoang dã, cay đắng, nghiệt ngã. Cái cười thật dài, riết lấy khuôn mặt cha, làm mắt cha hơi lờ lờ, ánh lên như có nước. Cha quăng đồ đạc của chị lên bờ vung vãi. Và nỗ lực cho ghe đi.

Có ai chờ chúng tôi, trên những cánh đồng khơi?

Trời đất ứ đọng nhìn mưa vào mùa. Thằng Điền kiếm được mấy cây ô môi nhỏ, nó rủ tôi trồng. Chúng tôi dầm mưa, lấy mũi dao đào thành mấy lỗ con con, rồi đắp đất ém gốc lại. Cái cảm giác mà cha tôi đã từ bỏ là yêu thương, che chở cho một sinh linh (yếu ớt, nhỏ bé) nào đó thật ngọt ngào. Điền biểu tôi chặt sậy cắm quanh, sợ mấy con vịt ăn trụi lá, với lại, bờ đất này rất nhiều người qua lại, không khéo là bị dẫm bẹp. Hai đứa ngồi nhìn công trình của mình, bỗng buồn, không biết mai này còn có dịp quay lại coi tụi cây này lớn lên, để trèo lên hái trái, để giăng cái võng, ngủ một giấc đã đời.

Chị em chúng tôi nảy ra nỗi thèm muốn, khao khát được trồng cây từ khi rời Bàu Sen, vì biết chẳng bao giờ quay lại sống - bình - thường. Dường như chúng tôi nhớ, nhớ còn cào. Nỗi nhớ bao gồm được chạy chơi trên cái vuông sân mọc đầy vú sữa đất, được tự mình trồng cây gì đó, có trái, và trái ăn được, ăn rất ngon. Nhưng cái mơ ước nhỏ nhoi là nhìn nó lớn lên cũng mong manh, khi mà đến chưa nóng chỗ đã phải dời đi nơi khác. May là lần này chúng tôi ở Cỏ Úa khá lâu, chăm chút bấy vệt (mới gây lại) "trơn lông bụng". Thằng Điền một bữa ra coi cây bén rễ, nó bỗng chép miệng, "Ước gì đây là đất - của - mình...".

Tôi cười, điều đó thật xa xôi. Có lần, đi qua xóm, trong một buổi chiều, chúng tôi gặp những ông già ngồi

chơi với cháu, thằng Điền đứng tần ngần bên hàng rào dâm bụt, bảo, "Phải chi ông này là ông nội mình, thương đỡ chơi, hen Hai?". Nghe câu đó tôi bỗng thấy mình nghèo rơi nghèo rớt, nghèo đến nỗi không có... ông nội để thương, thêm muốn bên đường. Tôi lắc đầu, bảo thôi, thí dụ như mình lỡ mến người ta, mai một đời đi, buồn dữ lắm. Mà, đã ngắm, đã xé lòng toang hoang với nỗi đau chia cắt rồi, chưa sợ sao?

Sống đời mục đồng, chúng tôi buộc mình đừng yêu thương, quyến luyến bất cứ ai, để khỏi ngậm ngùi, để lòng vững vững khi cuốn lều, nhổ sào đi sang cánh đồng khác, dòng kinh khác. Chúng tôi vô định hơn bất cứ người nuôi vịt chạy đồng nào. Vì những cuộc tình của cha tôi, ngày càng ngắn ngủi.

Cha tôi đã có - về - bình - thường, hay nói cười, hồ hởi trong những lúc có người (chữ "người" này không tính hai chị em tôi). Nhiều lúc tôi không giấu được thăng thốt, cứ nghĩ mình đã gặp lại cha - của - ngày - xưa. Nhiều lúc tôi ngồi trông người trong xóm đi thăm lúa ghé qua chòi, lúc ấy, cha sẽ kêu, "Nương à, nướng mấy con cá khô, cha lai rai với mấy bác...". Em tôi cũng sượng ran xách chai ra tiệm mua rượu, nó khoái chí nghe cha gọi, "Điền ơi! Điền...". Vui được chút đó thôi, khi khuất bóng người, chị em tôi đành dót nhìn cha hao hao người đóng tuồng vừa trút lớp. Xanh xao, lạnh lẽo đến ngơ ngác và cô đơn.

Không, lúc chỉ một mình, cha tôi đáng sợ hơn thế. Cha giống như con thú trở về tổ sau khi no mồi. Con thú nằm mơ màng nhắm nháp lại hương vị của miếng mồi, và ngậm ngội thòm thòm con mồi kế tiếp. Có lúc sự vật lộn làm vết thương cũ của con thú đau, nó liếm láp vết máu, và tôi hải hùng nhận ra chỗ đau ấy cứ rộng thêm ra. Đôi khi tôi nhớ người đàn bà ở Bàu Sen, nhớ bóng người xấp xỉ, ngơ ngác chạy theo chiếc ghe sáng ấy. Chắc chị đã quay lại, đón đưa con gái về, móc quần áo trở vô tử. Có hề gì, rồi chị sẽ yêu một người khác, nhưng mãi mãi, chị không quên nỗi ê chề bị bỏ lại bên đường (bằng chứng là ba cha con chúng tôi có quên được đâu). Với những đàn bà sau này, cha tôi tính toán rất vừa vặn, sao cho vừa đủ yêu, vừa đủ đau, vừa đủ bẽ bàng, và bỏ rơi họ đúng lúc. Có người vừa bán xong cái quán nhỏ của mình. Có người vừa nói xong những lời dứt tình với chồng, con. Có người vừa phủ phàng chia xong gia sản, có cô gái sắp về nhà chồng, củi to củi nhỏ chất thành giàn ngoài chái... Hết thấy điều cun cút tin và yêu. Cha mang họ đi một quãng đường vừa đủ để người ở lại nhìn rõ chân dung của sự phản bội, sau đó người đàn bà bị hất lên bờ. Con đường quay về bị bịt kín.

Cha không tốn nhiều công sức cho việc chinh phục (Những người đàn ông quê mùa đã tự tay đẩy người đàn bà của mình đến với cha, bằng nhiều cách. Họ thích uống say, họ thích dùng tay chân để tỏ rõ uy quyền. Một nhọc làm lưng trên đồng, người đàn ông đã trở nên khô cằn, có khi cả đời, họ không nói với phụ nữ một câu yêu thương tử tế. Họ không biết vuốt ve, âu yếm, khi cần, họ lật cạch người phụ nữ ra và thỏa mãn, rồi quay lưng ngủ khò). Sẽ còn bao nhiêu người nữa được cha tôi cho nếm thử niềm đau kia, tôi tự hỏi mình khi nhìn người đàn ông vào tuổi bốn mươi, quyến rũ từ cái cười, từ câu nói, ánh nhìn thăm thẳm, ngọt ngào. Trời ơi, trừ chị em tôi, không ai thấy được đằng sau khuôn mặt chữ điền ngời ngời đó là một hố sâu đen thẳm, bên bờ mờ mịt, chơi vơi, dễ hụt chân.

Nên mỗi lần cha nhìn đắm đắm và mỉm cười với một người đàn bà mới chúng tôi lại thất thểu. Thêm mỗi tình đau trước cả ngày thứ nhất (mà chị em tôi không cách nào ngăn được). Tôi có cảm giác cha quắp lấy người ấy, vùi mặt vào da vào thịt, ngấu ngien mà lòng cha lạnh ngắt. Thằng Điền cay đắng, "Cha làm chuyện đó thì cũng giống như mấy con vịt đập mái...". Tôi nạt, "Đừng nói bậy...".

Nhưng tận đáy lòng, tôi cũng nghĩ, cha hơi khác con - người. Nhạt nhèo hơn cả việc quan hệ theo mùa, theo bản năng, trong cha tôi không còn một chút cảm xúc nào, nét mặt tràn ngập những rắp tâm.

Cha đẩy chúng tôi trượt dài vào nỗi thiếu thốn triền miên. Mỗi lần rời khỏi một nơi nào đó, thật khó để phân biệt, chúng tôi bỏ đi hay chạy trốn. Chúng tôi đánh mất cái quyền được đưa tiễn, được xao xuyến nhìn những cái vẫy tay, được nhận vài món quà quê như buồng chuối và hương hay bó rau ngót cắt trong vườn, cùng lời dặn dò quyến luyến, "Đi mạnh giỏi ghen...".

Chị em tôi hết sức cố gắng để sự giận dữ, chán chường của mình không bùng cháy. Chúng tôi cho vịt ăn thật xa trên đồng, và vật ở đó từ sáng tới chiều. Gió hoang liêu trên đồng không làm lòng hai đứa nguội lại. May ra, gió chỉ thổi khô nước mắt lúc nào cũng ri rỉ trên mặt em tôi.

Tôi không còn muốn chữa mắt cho Điền. Bởi Điền khóc suốt (giống hệt tôi), dù về mặt nó rất bình thản (tôi cũng vậy, khác là nước mắt tôi khô róc trong lòng). Hai đứa tôi đều kỷ dị, đến mức nhiều khi tự giạt mình.

Có lần, hai chúng tôi ngồi trên một bờ đất, xung quanh đầy những người thợ gặt đang ăn cơm. Nắng giữa trưa nóng rát. Tôi nói, chỗ khác có nắng dữ dằn vậy không ha. Thằng Điền nói, mùi cá kho quệt thơm dễ sợ. Ừ, tôi gật đầu, nhưng cái mùi nghèo quá. Vậy mùi gì giàu, thằng Điền hỏi vặn lại. Tôi cười, thịt kho tàu. Rõ ràng hai đứa tôi có cãi qua cãi lại, vậy mà sau đó một người thợ gặt tỏ vẻ ngạc nhiên, "Hai đứa bây ngồi chù ụ cả buổi trời, không nói câu nào, vậy mà cũng chịu nổi sao?".

Thằng Điền cười, "Ừa, tụi mình hông nói tiếng - người?". Tôi nhận ra nó không hề mách môi, tôi đọc được những ý nghĩ trong Điền. Ở đó, đang có bão tới rồi, gió quất điên cuồng vào trái tim nhỏ chỉ chút vết đau. Thằng Điền nổi loạn.

Dấu hiệu bắt đầu từ một bữa trong xóm đê, tình cờ ngó đôi chó nhảy nhau, thấy các chị đang phơi lúa kêu ó ré lên, tôi rủ Điền giả đồ nhắm mắt (trò này cực kỳ trẻ con, vì ai cũng mừng tượng mồn một tư thế động tình của hai con chó). Thằng Điền phì cười, nó kêu lớn, "Hai, coi nè..." rồi cầm đoạn cây xông đến quất đôi chó tới tấp. Hai con chó kêu la thống thiết, hoảng loạn, xà quần trong đám bụi đất. Đau đớn cùng cực, chúng rúc vào chân đồng rơm, nhưng không chịu rời nhau. Con đực phục đầu sát đất, rên rỉ, nước dãi chảy ròng. Không chạy hả. Bốp. Không chạy nè. Bốp. Thằng Điền gào lên. Cây trúc giập nát. Tôi giữ tay Điền lại bảo, "Ác với tụi nó chi vậy, cưng", thấy nước mắt bê bết trên mặt em tôi.

Ngay từ lúc ấy, tôi đã muốn chạy về và nói với cha "Thằng Điền bị sao rồi, cha ơi...". Tôi sợ, hoảng loạn khi phải chứng kiến một mình.

Thằng Điền biết là tôi đã nhìn - thấy - cái - gì - đó, nó chưa chát cú đầu. Điền chối bỏ niềm vui được trở thành một người đàn ông thực thụ. Nó tự kìm hãm bản năng trở dậy mạnh mẽ ở tuổi dậy thì bằng sự tất cả sự miệt thị, giận dữ, căm thù. Nó phản kháng bằng cách trút sạch những gì cha tôi có, cha tôi làm. Giã dũa đến rã rời, nhiều bữa, nó dầm mình dưới ao đến khi người tái nhợt. Nó chạy như điên trong đêm, trên những bờ ruộng mướt cỏ đến khi mỏi nhừ, gục xuống. Rồi nằm xoải trên đồng, tả tơi.

Không phải vậy, không phải vậy Điền ơi, tôi muốn kêu lên, tiếc là sự thất học khiến tôi không diễn đạt được bằng lời. Tôi không chắc lắm, nhưng dục tình và xác thịt không xấu xa, không đáng bị khinh bỉ, không phải là nguyên nhân đẩy chị em tôi đến cuộc sống này với những đồ vỡ này...

Điền mười sáu tuổi, nó có thể mãi nguyên nằm bên tôi, dãi tai để mặc tôi mân mê. Điền đã lạnh ngắt. Nó đứng đưng nhìn những đứa con gái làm cỏ lúa, quần xoắn cao, đùi non mơn. Đôi lúc bắt gặp những đôi người quấn nhau giữa các chòi ruộng hay lùm cây, nó khinh khỉnh cười khào. Nó điềm nhiên nói cái giọng hơi run rẩy nhưng rất mỏng và dịu dàng, "Hai, thôi đi. Em đâu có sao, buồn làm chi...".

Tôi cười, nói ờ. Nhưng muốn nghỉ buồn cũng không đơn giản. Phải rất lâu, tôi mới nhìn Điền một cách bình thường, tôi cố quên chuyện của nó, tưởng tượng bây giờ nó mới chín mười tuổi gì đó (cái hồi hai đứa như cây kiềng còi, thẳng đuột như nhau, thằng Điền hay bắt chước đá ngòi).

Và tôi chợt nghĩ, sự bất thường của Điền, chẳng qua nằm trong chuỗi rất dài của sự trừng phạt. Điều đó lý giải cho việc thiên nhiên ngày càng trở nên hung dữ hơn, khắc nghiệt hơn. Bằng những sấm chớp, gầm gừ, dường như trời đất đã nín nhịn nhiều, cuồng nộ bắt đầu rồi đây. Có lần, tôi lấy cao su gói lại mớ mùng chiếu, nhìn mưa thè cái lưỡi ướt nhào nhót vào lều, khoái trá nếm từng tác đất, tôi tự hỏi, không biết chỗ khác (chỗ không có chúng tôi) có mưa nhiều như vậy không. Ý nghĩ đó xuất hiện triền miên trong đầu tôi, rằng trời chỉ trút mưa, trút nắng ở nơi chúng tôi đứng chân lại. Nổi bễ bàng của những người đàn bà bị cha tôi bỏ rơi (và cộng thêm niềm đau vỡ của những người vây quanh họ) đã thấu qua những tầng mây.

Và dường như cách giao tiếp ngấm ngấm của tôi và Điền cũng trong chuỗi bất thường, nó làm cho mỗi

quan hệ với cha thêm rời rạc. Những bữa ăn nối tiếp nhau trong im lặng. Lúc và cơm, tôi hay bị ảo giác, tưởng mình đang ngồi trên cánh đồng của chín năm trước. Một cánh đồng miên viễn với gió lất lay những khói nắng héo xèo, một nhúm mây rất mỏng và rời rạc bay tha thểu trên cao. Đường chân trời mờ mờ xa ngái. Một vài gò mả loang lổ dưới chòm trâm bầu. Tiếng chim kêu nhỏ từng giọt thiu thiu. Mùi rạ mới quện với bùn tanh tanh. Bầy vịt rúc đầu vào vách, ngủ ở hờ dưới bóng cây tra treo từng chùm bông vàng tuyệt vọng lay như những chiếc chuông cầm. Cảnh không đổi, người cũng không, cứ ngồi ngoáy mãi vết thương cũ, nhỏ nước mắt.

Giống như mấy cái mả ngồi, thằng Điền nhận xét. Vừa may, một bữa trưa nắng rập rờn trên vách rạ, chúng tôi cảm nhận được những tiếng nói lao xao. Thằng Điền thẳng thốt, "Tụi mình ba trợn thiệt sao, Hai?" khi nhận ra đó là tiếng của... vịt. Tôi cười, hờn hờ. Thế giới của vịt mở ra. Không ghen tuông, hờn giận, chắc tại cái đầu vịt nhỏ quá nên chỉ đủ cho yêu thương. Tôi thôi thắc mắc vì sao cả bầy trăm con chỉ cần mười, mười lăm con vịt trông.

Đắm đuối với loại ngôn ngữ mới, chúng tôi chấp nhận để cho người ta nhìn mình như những kẻ điên (miễn là tạm quên nỗi buồn của cỗi - người). Chị em tôi học cách yêu thương đàn vịt (hy vọng sẽ không bị đau như yêu thương một - con - người nào đó). Nhưng nhiều khi nhìn thằng Điền đồng tai coi mấy con vịt nói cái gì, tôi giật mình, nuốt một họng đắng, tự hỏi đã đến nỗi này sao, đến nỗi chơi với người thấy buồn, nên chuyển qua chơi cùng vịt. Đêm nào cũng vậy, cũng rón rén, từ tốn, hai chị em thắp một ngọn đèn giữa chuồng, để lúc bọn tôi ra, chúng nhìn, biết không phải người lạ, không xao động. Vừa nhỏ nhẹ lấy trứng, tôi vừa hát một bài hát băng quơ, đôi chỗ vì hạ giọng thấp mà hụt hơi. Bầy vịt nhảy cảm khùng khiếp, sau này, tôi cố sửa lại những chỗ hụt hơi ấy, chúng nhận ra ngay, và nhìn tôi với vẻ ngờ vực, "Ừa, phải con - người hôm trước không ta?". Một con vịt đuôi khịt mũi, cười, "Nó chó ả, giọng có khác, nhưng rõ ràng là tiếng trái tim nó. Quen lắm. Chập chờn, thút thít, đồng đưa như sắp rụng...". "Có nỗ hôn đó, cha nội?" "Sao không, mấy người thử đuôi đi rồi biết". Bất giác, tôi nhắm mắt để nghe lại tiếng tim mình.

Nhưng sự trừng phạt tính toán cũng vừa vặn, vừa đủ vui, vừa đủ thương, quần quýt, nó lại đứng sau lưng và cười nhạo chúng tôi.

Gió chướng trở ngọn, trên những cánh đồng ủ ê tin buồn. Chúng tôi nghe được một cụm từ lạ, dịch cúm gia cầm. Những người nuôi vịt chạy đồng cười khào, "Chậc, mấy con vịt chết gió, mấy ông nhà nước nói cho quá...". Hôm chính quyền thông báo tiêu huỷ tất cả các bầy đàn, họ xúng vửng kêu lên, "Trời trời, bộ hết chuyện giỡn sao, mấy cha?".

Chẳng ai giỡn cả. Người ta dùng ý tưởng của Tào Tháo thời Tam Quốc, "thà giết lầm còn hơn tha lầm", dồn tất cả vịt trên cánh đồng lại và đào hố chôn. Thằng Điền meo mào:

- Mấy ông ơi, vịt tui sần sần, có bệnh tật gì đâu...

Một người cầu càu:

- Sao cậu biết?

- Rõ ràng tụi vịt nói với tui.

Mọi người cười ha ha, bữa nay vui quá chừng. Họ bắt đầu trùm kín mình bằng những bộ đồ đi mưa. Họ rải vôi trên những hố chôn lớn bằng mấy khẩu địa cộng lại. Họ tọng những con vịt còn sống, còn giầy dụa, còn gào thét vào bao tải, buộc miệng và quăng xuống đó.

Đám nuôi vịt chạy đồng tụm lại ở một chỗ, cúi mặt vào lưng nhau. Họ xót của, tiếc tiền, họ cảm nhận được sự kiệt quệ, đói nghèo đang vây bủa. Lần rủi ro này (của cái nghề lăm rủi ro) thật khốc liệt.

Cha tôi ngồi riêng biệt ở một bờ đất và đốt thuốc ngó trời, điệu bộ hơi dửng dưng. Với nỗi đau sâu hoắm sấn trong lòng, thì những biến cố khác chẳng qua như một vết xước nhỏ ngoài da, nhằm nhỏ gì.

Hình ảnh đó, nét mặt đó làm cho tôi tuyệt vọng. Mà, lúc đó, tôi đang chết đuối, sao tôi lại nhìn về phía cha? Vì tôi muốn cầu cứu (như những đứa trẻ con gặp chuyện giết mình, hay buột miệng gọi má ơi hoặc cha ơi!)? Vì tôi thấy mình không thể chịu đựng được tiếng gào khóc thê thiết của những con vịt bị vùi sâu dưới lòng đất?

Mất nửa ngày những cái hồ mới được lấp đất đầy. Xuyên qua những lớp đất bấy nhầy, tôi nghe vịt - của - tôi vẫn còn thoi thóp, chúng đau đớn vì những cái cổ gãy, rồi quật quẹo, chúng hỏi nhau vì sao tụi - người - ta lại ác. Rồi thỉnh thoảng. Trong cái im ắng đến rợn người, tôi nhận ra tiếng của con vịt mù, có lẽ vì không sợ tối, nên sự sống kéo dài.

Rồi ánh sáng nhập nhoạng cuối ngày loang lổ đổ xuống, tôi và Điền khóc hức, cảm nhận được cái thờ hướm ngẩn ngơ, ngẩn ngơ của con vịt sau cùng. Và tắt hết. Chỉ còn gió cười từng tràng dài... Tôi tiếc thôi là tiếc sinh linh nhỏ bé đã thấu được tim mình.

Sáng sau, người ta tìm được một người chăn vịt nằm sát mép hồ, mắt chong chong ngó trời không chớp, miệng sủi ra thứ bọt, trong vắt như bọt của những hơi nóng nặc. Chai thuốc trừ sâu lẫn lóc cạnh đó đã cạn tới giọt cuối cùng. Sống thì khó chứ chết sao mà dễ.

Tôi đứng nhìn, tiếc rẻ, ủa, cái người nằm sóng xoài kia, sao không phải là chúng tôi?

Sự báo ứng dường như đang ở rất gần.

7. Tôi bắt đầu hối hận vì đã cứu chị và mang chị đi cùng. Có cảm giác chúng tôi nắm tay kéo chị lên khỏi một vùng lầy để đẩy chị vào một vùng khác, cũng sâu.

Chị xuất hiện không đúng lúc. Cha tôi có dấu hiệu mệt mỏi. Đàn bà, với cha, càng trải nghiệm càng chán chường. Càng gieo rắc càng đau. Vết thương cũ mở miệng toang hoác, không da thịt nào có thể lấp đầy. Cha không chấp nhận cả những người phụ nữ mà ông kỳ công chiếm đoạt (của người khác), thì sao ông có thể tin tưởng ở sự hiển dương?

Vậy đó, cuối cùng chị hiểu được tại sao cha tôi lại phớt lờ mình. Tôi và Điền buộc phải kể câu - chuyện - của - chúng - tôi để chị không phải ray rứt gì với thân phận làm dĩ. Những ký ức chấp vạ, đứt đoạn được chúng tôi kể khá chậm, một phần vì đã lâu không dùng cách giao tiếp bằng lời, một phần do vài chi tiết khiến chúng tôi phải dừng câu chuyện lại, vì thấy nhói ở đâu đó hay đợi chị thôi khóc. Thí dụ như cái đoạn kể về kỳ kinh nguyệt đầu tiên của tôi. Máu chảy giữa hai đùi không tạnh được, tôi thụp xuống, bụm chỗ ấy lại. Máu từ từ chảy qua kẽ tay, tôi thấy mình rỗng rỗng, tái nhợt, chết dần. Thăng Điền với bút đọt chuối, tọng vào miệng nhai ngốn ngấu, điền đại, để lấy bả rịt lại chỗ máu. Thuốc gò nghe nói cầm máu rất tốt, cũng chẳng ăn thua. Hai đứa nhìn nhau khóc, tôi đã mơ thấy ngôi mộ của mình, như chiếc giường giữa bốn bề đồng nước... Chị mỉm máo vút đầu tôi vào lòng, "Trời ơi, tội hèn. Lúc đó cha mấy cung ở đâu?". Tôi ngơ ngác, không biết, nhưng dù cha có ở gần ngay đấy thì chúng tôi cũng chẳng thể cầu cứu.

Đã nói là chị em chúng tôi phải tự học đủ thứ rồi mà. Những gì không biết, chúng tôi thử. Những gì không hiểu, chúng tôi chất thành khối trong lòng. Nhiều khi thấu đáo được một điều nào đó, chúng tôi phải trả giá cao.

Có lần chúng tôi thả vịt nghỉ khúc kinh có bóng cây. Bỗng nổi xấu hổ vì mình là con người xộc lên mũi sặc sụa, khi tôi phát hiện ra chúng chẳng bao giờ cưỡng đoạt và gặt gặt nhau. Khoảng thời gian trước khi con trống trèo lên con mái rất thật, mềm mại, êm đềm... Tuyệt không có gì là thô tục. Tôi sưng sốt. Thăng Điền sưng sốt. Trời ơi, khác với những gì chúng tôi biết (qua cha tôi, má tôi), trong sự hoan lạc (của những con vịt) đây ắp thứ gọi là tình - yêu. Điền chói với, nghi hoặc lan ra như một vòng sóng. Và khi chị xuất hiện, thì trong nó chỉ còn nỗi ân hận giày vò.

Điền yêu chị, nhưng tình yêu đó khiếm khuyết mất rồi. Sau giấc ngủ dài, bản năng nó đã không trở dậy.

Trái tim nó chỉ là hòn than nhỏ, không thể hâm nóng lại cơ thể ngã màu tro. Sợi dây xúc cảm như lối đi lâu lắm không người lui tới, cỏ dại mọc bí mật, đường đứt, cầu gãy...

Mà, kiểu yêu tinh thần để nhìn nhau, để nắm tay, vuốt tóc, để nín nhịn và hy sinh chỉ tồn tại trong văn chương Nguyễn Ngọc Tư. Chị cần nhiều hơn, nhiều hơn, nhiều khủng khiếp, tưởng như chị có thể ngổn ngấu, bào mòn tất cả đàn ông trên thế gian này. Lúc đầu là kiếm sống, nhưng lâu dần, sự chung đụng của thể xác làm chị nghiện. Thăng Điền tuyệt vọng.

Tôi cảm giác sự đổ vỡ khi Điền đuổi theo chị, và chị thì chạy theo cha.

Một cuộc đua rã rượi, chẳng đến đâu. Chúng tôi còn phải dành sức cho cuộc mưu sinh dưới nắng như tát lửa. Cha quyết định bán bầy vịt đi. Ba người, mỗi lần xách vài ba con, chúng tôi chia nhau đi dài xóm để bán lẻ. Nhưng cách ấy chẳng cho kết quả nhiều, năm con vịt ốm nhằng trong tay, xương ức gò ra bén ngót cũng đã đoán được. Thêm nữa, mùa giáp hạt kéo dài, nhiều nhà chạy gạo còn gay, thịt vịt trở nên xa xỉ. Ti vi thì vẫn đang ra rả về dịch cúm, những người biết chút đỉnh, rứt đầu, "Ăn vịt đang lây bệnh chết à?".

Chúng tôi mang lũ vịt trở về, con đường dẫn lên đồng rập rờn hoa mua tím. Cũng theo lối này, vài hôm sau, ông trưởng ấp dẫn theo một cán bộ xã xồng xộc đến chỗ chúng tôi.

Tôi vừa sợ, vừa biết ơn những người như thế này. Họ làm cho chúng tôi cảm thấy bớt hoang dã, họ làm chúng tôi hiểu rằng, ngay cả trên những cánh đồng hoang liêu nhất thì chúng tôi vẫn bị ràng buộc bằng hàng vạn luật lệ. Nhưng đồng thời họ luôn mang tai họa đến. Đường như sự trừng phạt đang núp sau hai khuôn mặt bị nướng dưới mặt trời, bóng nhầy, thơm mỡ. Họ phớt phớt nói bằng thứ ngôn ngữ buồn cười (bọn chăn vịt chúng tôi chẳng khi nào dùng những chữ chỉ thị, loại trừ tận gốc hay giải quyết dứt điểm...). Thật đơn giản, khi nói "các người phải huỷ bầy vịt". Cha tôi cúi kinh gật đầu. Tôi và Điền kêu lên một tiếng buốt, ôi, những bạn - bè của chúng tôi sắp bị chôn sống nữa rồi.

Cái nhìn chị chảy theo nước mắt của thằng Điền, chị khẽ bảo, không sao đâu, mấy cung. Chị đơn đả, chèo kéo hai người đàn ông lạ về phía mình, "Mấy anh thương em với, nỡ nào để cả nhà em chết đói". Một người cầu cạo:

- Ở trên lĩnh xuống tụi tui cãi sao được.

Nụ cười đóng đưa, tung tẩy trên khoé mắt, thì em có bảo mấy anh cãi ai đâu, mấy anh giả dờ không biết, không nhìn thấy bầy vịt của em là được rồi. Dễ ợt... Thằng Điền bệu bạo cắn răng, nó tự kìm nén bằng cách siết vai tôi đau như. Cách đó năm bảy bước, giọng nói của chị vẫn lướt như một dòng gió đầy hơi nước, thấm dọi lại hai khuôn mặt (cổ tỏ ra) cứng đơ. Một người nuốt nước miếng, ánh nhìn ham muốn như mũi kim thò ra khỏi bọc, lơ lảo. Mắt ông ta lệt trần chị, và toan tính một thoáng. Người còn lại có vẻ thú vị, háo hức như sắp được xem một vở cải lương hay. Chị thấu hiểu đàn ông đến nỗi, ngay lập tức chị ngó về phía chúng tôi, ngậm bảo, cuộc thương lượng (về một sự đổi chác) đã kết thúc rồi.

- Hai anh cứ về trước, chút nữa, em lựa mấy con vịt tơ đem lại cho các anh lai rai. Nhà anh Năm đây em biết chớ sao không, đi tới đâu, em cũng coi mặt thổ địa trước chớ...

Nụ cười chị chọt mỗi mê mỗi như. Có một chút tàn nhẫn, một chút man rợ trong cuộc thương lượng này. Hai người đàn ông quay vào xóm, không quên vói lại một câu, nửa đe nẹt, nửa xuề xòa, "tụi tụi nể vợ anh...". Cha tôi cười hết sức độ lượng, ôi những thằng trẻ con...

Chị vò đầu thằng Điền, bảo "chuyện nhỏ thôi mà, đi bắt vịt dùm chị, nhỏ cung". Và hướng cái nhìn sâu nhói về phía cha tôi, rất chậm rãi, chị thay áo, lấy nón, xỏ dép... Thời gian dằng dặc. Tôi biết chị chờ, hy vọng. Tôi biết, đi một quãng xa, chị vẫn còn đông tai đợi một tiếng gọi, "quay lại đi, Sương". Nhưng chỉ gió ngêu ngao xoi mói vào mảng thịt sau tà áo người phụ nữ đang xiên xiên trên bờ cỏ rập rờn.

Chị về khi trăng rạng rỡ trên đầu (mãi sau này, tôi vẫn còn ghê sợ cái màu trắng ấy). Ông quần quệt vào

cỏ ướt đầm sương. Hơi rượu quyen với mùi thuốc lá làm tôi chao chực. Nhác thấy hai chị em tôi ngồi thù lù, chị kêu lên, trời đất, hai cung chờ chị chi vậy. "Chị... làm đi quen rồi, mấy chuyện này nhằm bà gì mà mấy cung buồn?". Rồi khom người nhìn vào chòi, chị chặc lưỡi tấm tắc, "Coi nè... Trời ơi, bữa nay bộ gió mát sao mà người ta ngủ ngon dễ sợ". Chao, tiếng ngáy của cha tôi sao mà đều, sao mà thơi thới. Tôi chực khóc, ngay lúc này đây, dường như chị - đang - chết. Chị lệ làng lấy tay quệt lên mắt, mảng nước nhoè nhoẹt bên màng tang, bết cả vào mớ tóc mai.

Sáng sau, gặp ở quây vệt, cha tôi cười, hơi giễu cợt, "Sao, hồi tôi vui không? Chắc họ tưởng cô là vợ tôi nên hứng thú lắm hả? Cứ để họ nghĩ vậy..."

Chị ngó trân vào cha, rồi day qua tôi, chị để rớt từng lời:

- Má cung ác một, nhưng người cha này của cung ác tới mười.

Nói rồi, chị quay đi. Chân vương dấp dúi vào cỏ. Con đường nhỏ dầm chan trong màu hoa mua tím.

Tôi đứng đót thăm trong lòng một cái vẩy tay. Bóng người khuất trong vườn. Thằng Điền xách nước về, nó cuồng lên hỏi chị đâu. Tôi chỉ con đường kinh xao xác hoa cỏ dại. Em tôi chạy hồng hộc về phía đó.

Điền, cũng không trở lại.

Tôi đã chờ nó đến khi mùa mưa đổ xuống cánh đồng Chia Cắt (tôi tạm gọi vậy) một trời sao. Chờ chơi vậy, chứ tôi biết Điền chẳng quay về. Tôi nhớ nó (và nhớ chị) không thôi. Những lần dọn cơm tôi hay lấy chén dĩa cho cả bốn người. Cha tôi rất khó chịu, ông ngán ngẩm đứng dậy. Tôi ngồi một mình, chan nước vào chén cơm như chan nỗi trống trải khủng khiếp. Đi qua những xóm kinh chộn rộn ánh đèn, tôi thường ngóng lên bờ mong có thể gặp được thằng Điền và chị. Không biết em tôi có đuổi kịp chị, hay vẫn tiếp tục kiếm tìm. Không biết nó đã đánh thức được bản năng, đã tìm thấy nhục cảm, đã biết thèm muốn chưa. Không biết tới nay thằng Điền có được một nhồi úp lên chị, hay vạ vật ở đâu đó, bên vách buồng (hay một tấm ghi-đô bằng vải), đau vật đau vĩa nghe hoan lạc chảy thành những dòng rên xiết, kêu thét. Không biết nước mắt của nó đã khô chưa hay vẫn rỉ từng giọt như máu tươi.

Tôi nhớ Điền, bao gồm nhớ một đồng - loại (và tôi là đồng - loại còn lại), nhớ một cách trò chuyện (đọc thấu lòng nhau), nhớ một người nghe được tiếng tim mình (điều này thì con vệt mù làm được, nhưng nó đã chết rồi), và nhớ một người che chở (công việc này, đáng lẽ là của cha, má tôi). Tôi biết ơn Điền, từ một gói băng trắng mà Điền mang về hôm tôi mười bốn tuổi, bảo thứ này dùng khi có kinh nguyệt, nó sẽ ngăn không vẩy máu ra quần. Điền đi hỏi ai đó, nó nói, máu không cầm được cho đến khi nào tự nó ngưng chảy. Điền xót xa khi thấy tôi trở mã con gái, "Đẹp làm chi dữ vậy, Hai? Ở cái xứ quê này, có đẹp mai mốt cũng phải lấy chồng, để một bầy con nheo nhóc, cũng ra ruộng ra vườn làm lụng đến hết đời, xẹp lép như xác ve. Đẹp, mắc công giữ...". Điền dặn tôi đừng xoắn quần quá cao, đừng mặc áo quá rộng cổ... Với bọn đám thanh niên lúc nào cũng kiếm cớ lăng vãng, Điền giang tay bọc lấy tôi, nó giễu cợt, "Anh kia, lượm con mắt lên, anh nhìn vậy, chị tôi mơn còn gì". Đám người cụt ngòi, tên tò dạt ra. Ngay cả khi Điền bỏ đi cùng chị, nó cũng để lại cho tôi một món quà lớn.

Cha bắt đầu có một chút quan tâm với tôi. Dường như chỗ trống của thằng Điền nhắc cha nên quý những gì còn lại. Bắt đầu từ một đêm, cha đứng đằng xa, bảo, "Nương, ngủ sớm đi!", tôi nghe mắt mình cay, ngợp như ai đó tọng một đám khói vào mặt. Mắc cười, câu nói chẳng ý nghĩa gì lớn lao, những người cha người mẹ nói với con họ hàng ngàn lần, đến phát bực mà tôi lại xốn xang.

Tôi ước gì có thể chệnh choáng thật lâu, nhưng nó mau chóng tắt rụi vì một ý nghĩ kỳ lạ. Dường như không còn kịp nữa, để hàn gắn sự đổ nát, để sắp xếp những mảnh vỡ lạo xạo trong lòng.

Chúng tôi tập nhìn nhau, điều đó khó khăn biết bao. Nhất là với cha, tôi cảm nhận được sự cố gắng lớn. Mỗi lần ngó về phía tôi, ông phải trợn trạo nuốt nghẹn những cảm xúc, vì tôi giống má khủng khiếp.

Không cần gương, tôi thấy hình bóng má trong mắt người đối diện. Trước ánh nhìn của cha, tôi cảm giác mình soi xuống dòng nước đêm. Với những người đàn ông khác, tôi bị rục lên như đứng trước mặt trời. Bằng mắt, họ sờ soạng khắp người tôi. Ánh mắt giống bàn tay của ông xăm mù mà tôi từng gặp, đụng chỗ nào cũng dừng lại, vuốt vuốt bóp bóp (chắc là cho dễ hình dung), rồi lần dò tới một chỗ khác, rờ nắn mê miết. Và tôi đón nhận một cách hần học, cục cằn.

Hôm bán bầy vịt, cha tôi sắm một chiếc nhẫn vàng, ông đẩy nó về phía tôi, ngượng ngập như sắp chết giấc, "Để dành khi đi lấy chồng...". Tôi sặc ra một bụm cười, trời ơi, tôi biết lấy ai bây giờ?

Suốt những tháng năm sống tù đọng trên đồng, tôi có biết ai ngoài những người đàn ông quê mùa cũ kỹ. Tôi biết lấy ai trong số đó? Lấy một người cầm mặt xuống đất, mệ như với vườn ruộng để mỗi khi giáp hạt, tôi nghe tiếng cạo cháy của con, tiếng muổng dừa vét gạo dưới đáy thạp mà rát bỏng trong lòng? Hay tôi sẽ chọn một người chăn vịt, mê mồi với chuyện đi xa, sống cuộc sống hờ hững tạm bợ, thấp thỏm với rủi ro, và đến một lúc nào, tôi ôm con nghe đêm của mùa gặt thật dài với tiếng rúc rích của chồng cùng cô điếm già nua. Tôi lấy ai bây giờ, một người thợ gặt? Một anh chạy đò? Ý nghĩ mình là bản sao của má làm tôi sợ. Tôi không chắc mình có đủ kiên nhẫn sống cuộc sống nghèo túng, nhàm chán ấy suốt đời, hay nửa chừng bỏ dỡ. Và bị kịch chất đọng lên những người ở lại.

Cha tôi hơi hoảng. Vậy đó, chỉ cần để ý một chút, là có thể nhận ra, xót xa vì sự quái dị, khác thường của tôi. Cha tôi vừa kịp nhìn thấy điều ấy, bối rối đến mức không biết diễn tả sự đau lòng như thế nào, bằng mặt, hay chỉ âm thầm trong lòng. Mà có đau, dường như cũng trễ...

Cái ý nghĩ đã muộn màng, trễ tràng, không còn kịp nữa như một cái rồn nước sâu hoá, điên cuồng hút tôi vào, cảm thấy mọi nỗ lực của cha trở nên vô nghĩa, tôi nghĩ vậy. Tôi nghĩ đến sự trừng phạt, sự báo ứng bất chấp trời im ắng như đã người quên chuyện cũ rồi. Bây giờ, đang vào mùa đẹp nhất trong năm.

8. Bây giờ, gió chướng non xập xoè trên khắp cánh đồng Bất Tận (tên này tôi tự dung nghĩ ra). Ven các bờ ruộng, bông cỏ mọc như những đường viền nhỏ liu liu làm dịu lại mảng rực vàng của lúa. Rất thánh nhay, (như kên kên ngủi được mùi xác chết), đám thợ gặt đánh hơi kéo đến, những người nuôi vịt chạy đồng lục tục ở đằng sau.

Những cánh đồng trở thành đô thị; những cánh đồng ngoa ngoắt thay đổi vị của nước, từ ngọt sang mặn chát; những cánh đồng vắng bóng người, và lúa rầy mọc hoang nhớ đau nhớ đón bàn chân xưa ngằn trong bùn quánh giờ đang vạt vơ kiếm sống ở thị thành. Những cánh đồng đó, đã hất hủi cây lúa (và gián tiếp từ chối đàn vịt). Đất dưới chân chúng tôi bị thu hẹp dần. Nhưng ngay từ đầu, chúng tôi đã tự làm quần chân mình, vì không thể quay lại những cánh đồng cũ (với người quen cũ). Tôi đã từng trở ngược về những nơi đó theo cách của tôi, bằng đường tượng. Tôi gặp nhiều đứa trẻ tên Hận, tên Thù mang khuôn mặt rắp tâm của cha tôi, với đôi mắt sâu và chiếc mũi thẳng. Những đứa trẻ nhàu úa, cộc cằn, cằn cằn, chỉ tiếng chửi thề là tươi rói, nhảy ra xoi xói ở đầu môi. Và hình ảnh đó thật đến nỗi, tôi bắt giác lùi lại vì một đứa đang nhìn trần trối vào mình, ngạo nghễ "Tao không thích học, chừng nào lớn, tao đi chăn vịt. Má tao (hoặc ba tao) dạn, phải đánh chết tụi chăn vịt kia".

Tôi giễu cợt, không biết mày có kịp lớn không. Và nó nhăn nhó cười trước khi tan mất vào vũng đêm.

Tôi không mất nhiều thời gian để hiểu được cái cười ấy.

Đơn giản là ngay bây giờ, trên cánh đồng này, cũng đang lảng vảng những thằng Hận, chúng lớn hơn, cũng thất học, hung hãn. Bọn người này cướp vịt ở các bầy khác (trong đó có của chúng tôi) bằng cách lén phết sơn đen lên đầu những con vịt và phơ phồn đến nhận chúng là của mình, hiên nhiên mang đi. Bắt đầu xảy ra vài cuộc xô xát trên đồng, người ta đem hết những bản năng hoang dã của mình ra để giành lại miếng ăn.

Cha biểu tôi đứng ở đằng xa. Chờ đợi. Rốt cuộc, bầy vịt của chúng tôi vẫn mất ngót một nửa. Chúng tôi ra về. Cha tha thiu đằng trước với một thân xác như bùn sau cuộc đánh nhau. Cố đi tụt lại phía sau, tôi

giấu nỗi vui đang thổn thức, còn cào. Sẽ không ra gì nếu một đứa gái tỏ ra mừng rỡ khi cha nó bị đánh tã toì, nhưng rõ ràng là cha tôi đang thay đổi, đang sống lại những cảm xúc bình thường nhất. Tôi thích ông như thế này.

Sau này, tôi luôn hối tiếc là tại sao ngay lúc ấy không chạy đến và cùng sổng bước cùng ông, tại sao tôi không nhìn ông và mỉm cười. Để khi đám người kia đuổi kịp, tôi đã không còn cơ hội.

Ba người họ quây lấy tôi, quần áo vẫn dầm bùn, mặt mũi sưng sĩa. Họ hơi ngỡ ngàng, khi nhìn thẳng vào tôi, một đứa gầy trạc thẳng Điền lau dãi ròng rãi trên khoé miệng, thẳng thốt, "con nhỏ đẹp quá, mày".

Tôi coi đó là lời phán quyết cho mình. Giọng điệu của hắn giống như đang tằm tắc trước một món hàng ngon mắt.

Và món hàng bị ghi ngửa trên mặt ruộng bì bõm nước. Tôi ngạc nhiên thấy bầu trời im sầm. Mênh mông. Không biết đã tắt nắng hay mặt trời không vói được ánh sáng đến nơi này? Hay những khuôn mặt nghèo đói, dốt nát tằm tôi đã che khuất nó?

Ngoái nhìn về phía cha và thấy ông lằm lũi đằng xa, tôi mong ông đừng quay mặt lại. Sau đó thử chống cự một lần, rồi thôi, sự vùng vẫy chỉ kích thích lòng ham muốn. Tôi không muốn bị dề nghiêng, bị vùi nghển trong bùn.

Bọn chúng hơi khó chịu trước một đứa con gái yếu ớt và câm lặng. Sự hưng phấn giảm đi ít nhiều, đến nỗi, chúng tỏ ra dờ dẩn, nghi hoặc khi bóc trần tôi ra. Tôi nhìn chúng, cười cợt, "Chúng mày có lột bỏ có trăm có ngàn, tầng tầng lớp lớp những vỏ bọc, cũng chẳng bao giờ thấu đến tận tao". Ý nghĩ đó làm tôi bớt nhói cho nông nỗi này.

Vậy thì, cha ơi, quay lại làm gì, tôi than thầm khi nghe tiếng chân ông nồn nả, giận dữ lỏm thỏm trên mặt nước. Cha tôi gằm gừ nắm cổ một tên bật ngửa ra đằng sau như một người cổ cất cái vó sông nặng nề, dầm nước. Tôi khóc. Vì thấy ông đã kiệt sức, hoàn toàn. Và tôi buộc miệng thất thanh: "Điền ! Điền ơi!" trước khi một tên ghé đầu ông đập xuống bùn.

Tiếng gọi ấy làm cha đau đến sững sờ, ông rướn ngược mặt về phía tôi, miệng há hốc. Tôi chực hiểu, ngay lập tức hối hận tràn đầy, trong ý thức cầu cứu, một bản năng đơn giản nhất, đứa con gái đã quên mất người cha.

Thằng Điền thì ở xa. Tôi biết rằng, không có cái gì làm cho cuộc chiếm đoạt này dừng lại. Ước gì cha có thể hiểu và chấp nhận điều đó. Ông liên tục vùng vẫy và chống trả. Một tên còn đồ bụm lấy mắt, vừa kêu rên vừa chửi bới ngẫu xị. Không đánh trả, nó có cách trừng phạt khác, nó dề nghiêng, giữ cho mặt ông hướng về phía tôi. Và bọn chúng thay phiên nhau, giữ cho cha chỉ một tư thế đó.

Mất cha tôi ằng ặc nước, tôi không rõ là phèn hay máu nhờn nhờn. Ước gì cha tôi hiểu, để mà thanh thản, xưa rày, cái gì không biết hai chị em cũng đã thử, đó là một cách tự học để sống. Chỉ có sự giao tiếp giữa thân xác là tôi chưa từng trải qua.

Nhưng lúc này, cảm giác thật đơn điệu. Đầu tiên là sự xé toạc, và từ rách nát, đau đớn như lũ kiến cánh được giải thoát, chúng bò rân khắp thân thể, tôi thấy mình đang chết. Rồi ký ức ủa về kinh hải, về mặt má tôi cái hôm bị người đàn ông bán vải đo lên người hình như không phải là khoái lạc thăng hoa, nó giống như tôi bây giờ, đau nhói. Tôi tiếc mình không hiểu điều đó sớm hơn.

... Mặt trời le lói ánh sáng trở lại khi trên đồng chỉ còn hai thân thể nhàu nhừ. Ai đó vãi từng chùm chim én lên cao, chúng cố chao liệng để khỏi phải rơi như lá. Người cha cời cái áo trên người để đắp lên đứa con gái. Ông ta bò quanh nó, tìm bất cứ cái gì để có thể che cơ thể nó dưới mặt trời. Đường như đứa con gái đang chết, chỉ đôi mắt là rung rức chớp mở không thôi. Câu đầu tiên nó hỏi:

- Không biết con bị có con không, hả cha?

Cảm giác một cái gì, nhỏ xíu nhưng lạnh lợi như con loan quăn đang vui sướng, ngập lặn trong nó. Đứa con gái thoáng nghĩ, có thể mình sẽ sinh con. Đứa bé đó, nhất định nó sẽ đặt tên là Thương, là Nhớ hay Dịu, Xuyên, Hường... Đứa bé không cha nhưng chắc chắn được đến trường, sẽ tươi tỉnh và vui vẻ sống đến hết đời, vì được mẹ dạy, là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn.